

ĐIỂM THI CUỐI HỌC KỲ II - KHỐI 11

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Lớp	Toán			Văn	Anh				Sử			Lý			Hoá			Sinh			Địa			KTPL			Ghi chú
					TN	TL	TC		Nghe	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	
1	000545	Cao Tuấn Anh	19/01/2009	11A1	3.70	2	5.7	7	0	4.73	2	6.73	6.50	2.5	9	5.00	1.5	6.5	2.45	0.5	2.95										
2	000560	Nguyễn Việt Hùng	14/07/2009	11A1	3.50	2.75	6.25	6.5	0.4	4.55	1.9	6.85	4.50	2.75	7.25	4.25	2	6.25	4.10	0.5	4.6										
3	000593	Nguyễn Bảo Châm Anh	03/04/2009	11A1	3.50	1.75	5.25	7	0	4.38	2	6.38	6.25	0.5	6.75	2.75	0.5	3.25	2.10	0	2.1										
4	000620	Bùi Hiếu Phong	05/05/2009	11A1	3.90	3	6.9	8.3	0	5.08	1.9	6.98	6.50	2.75	9.25	5.75	2.5	8.25	4.75	1.75	6.5										
5	000630	Võ Thùy Trang	14/08/2009	11A1	3.70	2.75	6.45	8	0	4.55	2	6.55	6.50	2.5	9	3.00	1.25	4.25	4.00	2.25	6.25										
6	000641	Nguyễn Ngọc Phương Anh	11/07/2009	11A1	3.75	1.5	5.25	6.8	0.2	3.50	2	5.7	4.50	0.5	5	3.50	0	3.5	3.75	0	3.75										
7	000652	Nguyễn Thị Thu Huyền	27/11/2009	11A1	3.55	3	6.55	5	0.2	4.38	2	6.58	4.25	2.25	6.5	2.00	1	3	2.45	0.25	2.7										
8	000685	Jeha Phuong Nguyen Bacalla	10/10/2009	11A1	2.40	2	4.4	5.8	0	4.38	2	6.38	4.00	3	7	2.00	1.25	3.25	1.60	1	2.6										
9	000710	Lưu Hồng Phú	30/12/2009	11A1	4.60	3	7.6	6.3	0.4	5.08	1.9	7.38	6.25	2.75	9	5.00	2.5	7.5	3.75	1.75	5.5										
10	000720	Nguyễn Quang Tiến	18/07/2009	11A1	5.30	3	8.3	7	0	4.38	2	6.38	6.75	3	9.75	3.75	2.75	6.5	4.60	1.75	6.35										
11	000730	Trần Lê Gia Bảo	06/11/2009	11A1	4.90	2	6.9	4.5	0.4	4.90	2	7.3	4.50	2.75	7.25	5.00	2.5	7.5	1.45	1	2.45										
12	000743	Mai Phúc Khang	07/05/2009	11A1	5.10	3	8.1	6.8	0.2	4.20	2	6.4	6.75	2.75	9.5	6.75	2.75	9.5	6.25	2.5	8.75										
13	000770	Lê Thị Cẩm Vân	24/04/2009	11A1	4.70	2.75	7.45	8	0.2	4.38	2	6.58	5.75	3	8.75	4.25	3	7.25	3.45	1.5	4.95										
14	000774	Vũ Thái Bảo	24/04/2009	11A1	3.05	2.75	5.8	6	0.6	5.08	2	7.68	5.75	2.25	8	3.00	2.5	5.5	2.35	0.25	2.6										
15	000804	Hoàng Văn Trường Sa	18/11/2009	11A1	4.45	3	7.45	6	0	4.55	2	6.55	5.75	2.75	8.5	5.75	2.25	8	3.85	0.75	4.6										
16	000807	Phạm Vũ Thụy	14/07/2009	11A1	2.80	2.25	5.05	5.8	0	4.73	1.9	6.63	3.75	2.5	6.25	2.75	1.25	4	4.50	0.75	5.25										
17	000821	Nguyễn Bảo Chánh	05/03/2009	11A1	4.85	2.5	7.35	8	0	5.80	2	7.8	6.75	3	9.75	4.75	3	7.75	4.85	2.25	7.1										
18	000831	Phạm Minh Khang	07/10/2009	11A1	2.05	2.5	4.55	6	0.4	4.55	2	6.95	3.25	2.25	5.5	3.75	0.25	4	2.20	0.75	2.95										
19	000857	Tống Quốc Tuấn	08/03/2009	11A1	5.30	3	8.3	7	0.2	5.43	2	7.63	6.25	2.75	9	5.50	1.75	7.25	5.35	2	7.35										
20	000869	Bùi Tiến Dũng	06/03/2009	11A1	3.70	2.75	6.45	8	0	4.55	2	6.55	6.00	2.75	8.75	4.75	2.25	7	5.10	1.25	6.35										
21	000894	Bùi Thanh Sơn	18/05/2009	11A1	5.35	2.75	8.1	6.3	0	4.73	2	6.73	4.00	2.25	6.25	5.25	3	8.25	3.75	0.5	4.25										
22	000898	Trần Phước Thuận	06/10/2009	11A1	5.50	3	8.5	7	0.6	4.20	2	6.8	5.75	2.25	8	4.50	2.5	7	2.85	0.75	3.6										
23	000913	Lê Hoàng Duy	07/10/2008	11A1	4.00	3	7	8.5	0	4.03	2	6.03	6.75	2.75	9.5	5.25	1.25	6.5	3.00	1	4										
24	000929	Vũ Thành Long	26/05/2009	11A1	3.15	1.25	4.4	6	0.2	5.08	2	7.28	4.00	2.5	6.5	1.50	0.5	2	3.35	2	5.35										
25	000946	Đào Mạnh Tuấn	02/07/2009	11A1	4.45	2	6.45	6.3	0.2	3.15	2	5.35	4.50	1.75	6.25	4.75	2.5	7.25	2.10	1.5	3.6										
26	000957	Vũ Xuân Duy	04/04/2009	11A1	4.85	2.5	7.35	6.3	0.4	4.55	2	6.95	6.75	1.75	8.5	4.50	1.25	5.75	4.75	1.5	6.25										
27	000985	Nguyễn Lưu Tấn Tài	26/04/2009	11A1	2.90	1.5	4.4	4.5	0	4.20	1.9	6.1	3.50	0.75	4.25	3.75	1.5	5.25	1.25	0.25	1.5										
28	000987	Nguyễn Đức Thuận	03/01/2009	11A1	3.75	2.25	6	5	0	4.73	2	6.73	3.75	1.5	5.25	3.75	0.5	4.25	4.75	0.5	5.25										
29	001007	Nguyễn Thanh Đạt	17/05/2009	11A1	4.60	3	7.6	6.3	0	4.55	2	6.55	6.25	2.75	9	4.50	2.5	7	4.50	1.75	6.25										
30	001023	Nguyễn Bảo Ngọc	08/05/2009	11A1	4.85	2.75	7.6	7.5	0	4.90	2	6.9	6.00	2	8	5.25	2.25	7.5	5.75	1.25	7										
31	001037	Nguyễn Ngọc Tuấn Tú	31/01/2009	11A1	6.50	3	9.5	6.8	0	5.25	2	7.25	6.75	2.75	9.5	6.75	3	9.75	6.50	2.25	8.75										
32	001054	Văn Huỳnh Khánh Hòa	19/12/2009	11A1	5.35	3	8.35	7.5	0.2	4.73	2	6.93	6.75	2.75	9.5	5.00	3	8	4.60	1.75	6.35										
33	001075	Nguyễn Thành Tài	20/10/2009	11A1	4.55	2.5	7.05	7.5	0.2	4.73	2	6.93	3.75	1.75	5.5	3.00															

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Lớp	Toán			Văn	Anh				Sử			Lý			Hoá			Sinh			Địa			KTPL			Ghi chú
					TN	TL	TC		Nghe	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	
56	000659	Đặng Công Minh	11/06/2009	11A10	3.50	2.25	5.75	6.8	0.2	4.55	2	6.75	6.00	2	8	4.25	1	5.25							4.50	2	6.5	5.25	2.6	7.85	
57	000677	Đoàn Nguyễn Thành Trung	10/05/2009	11A10	3.50	1.5	5	6.8	0	4.03	2	6.03	5.75	2.5	8.25	4.25	0.5	4.75							5.50	2.25	7.75	7.00	3	10	
58	000695	Phạm Lê Quỳnh Hương	08/09/2009	11A10	2.65	2.25	4.9	6	0.4	4.20	2	6.6	6.50	3	9.5	4.50	1.5	6							5.75	2.25	8	6.50	2.6	9.1	
59	000704	Mai Phúc Nguyên	14/04/2009	11A10	3.95	3	6.95	7	0.2	4.55	2	6.75	5.25	2.5	7.75	3.75	1	4.75							4.75	2	6.75	6.10	0.1	6.2	
60	000712	Trịnh Ái Phương	22/10/2009	11A10	3.50	2.5	6	6.5	0.8	4.90	1.9	7.6	6.75	2	8.75	5.75	1.75	7.5							5.75	2	7.75	7.00	2.2	9.2	
61	000729	Nguyễn Việt Anh	02/10/2009	11A10	4.90	3	7.9	5	0	4.20	2	6.2	6.00	2.25	8.25	4.00	2	6							3.85	1.25	5.1	5.25	2.1	7.35	
62	000754	Lê Hồng Yến Nhi	03/09/2009	11A10	5.25	2.75	8	7.3	1	4.03	2	7.03	6.75	2.5	9.25	5.50	2.75	8.25							4.50	2.5	7	7.00	2.7	9.7	
63	000764	Nguyễn Hoàng Trung	17/07/2009	11A10	2.00	2.5	4.5	5.5	0.6	4.73	1.9	7.23	4.75	2.25	7	2.75	0	2.75							5.25	2	7.25	5.10	2.6	7.7	
64	000776	Lâm Vũ Quế Chi	22/07/2009	11A10	3.15	2.5	5.65	5	0.4	4.03	2	6.43	5.25	2.5	7.75	3.25	0	3.25							3.75	2	5.75	5.25	2.6	7.85	
65	000793	Lê Bảo Ngọc	21/06/2009	11A10	4.65	2.75	7.4	6.5	0.8	4.55	2	7.35	6.50	2.25	8.75	6.25	3	9.25							5.25	1.5	6.75	6.00	2.8	8.8	
66	000801	Phùng Nguyễn Loan Phụng	20/07/2009	11A10	4.15	1.75	5.9	5.8	0	4.03	2	6.03	4.50	2.75	7.25	3.25	0.5	3.75							4.50	0	4.5	5.00	1.8	6.8	
67	000827	Hoàng Gia Huy	10/12/2009	11A10	3.20	2	5.2	6.5	0.4	4.20	2	6.6	5.75	2.25	8	3.00	0.25	3.25							2.75	0.5	3.25	6.50	2.4	8.9	
68	000846	Lê Ngọc Quý	03/11/2009	11A10	4.55	2.75	7.3	6.5	0.8	4.20	2	7	6.50	1.5	8	3.25	0.5	3.75							4.50	2.25	6.75	5.75	2.3	8.05	
69	000858	Vũ Thùy Vân	22/09/2009	11A10	3.45	2.75	6.2	7.5	0.4	4.03	2	6.43	6.75	2.5	9.25	4.75	2.25	7							5.00	2	7	7.00	2	9	
70	000878	Nguyễn Tấn Khang	15/01/2009	11A10	4.10	2.5	6.6	3.8	0.2	4.90	2	7.1	5.75	2.25	8	3.50	0	3.5							4.50	0.25	4.75	5.75	2.4	8.15	
71	000895	Nguyễn Văn Tâm	03/12/2009	11A10	3.45	2.5	5.95	5.8	0.2	4.38	2	6.58	6.75	2.5	9.25	4.00	1	5							6.00	2.5	8.5	6.10	3	9.1	
72	000909	Nguyễn Huỳnh Hồng Ánh	23/05/2009	11A10	3.40	3	6.4	4.5	0	4.73	2	6.73	6.50	2.5	9	3.75	0.25	4							5.25	1.75	7	5.85	2.9	8.75	
73	000939	Phạm Cao Thanh Thanh	02/03/2009	11A10	6.30	2.5	8.8	8	0.4	4.55	2	6.95	6.75	3	9.75	6.25	3	9.25							6.50	2.5	9	7.00	3	10	
74	000949	Nguyễn Chí Vĩnh	19/10/2009	11A10	3.60	2	5.6	5.5	0	4.03	2	6.03	5.75	2	7.75	4.75	2.5	7.25							5.25	1	6.25	6.50	1.2	7.7	
75	000961	Đỗ Nguyễn Gia Hân	28/06/2009	11A10	3.50	3	6.5	6	0.2	4.38	2	6.58	5.25	2.75	8	4.75	1.5	6.25							5.75	1.25	7	7.00	1.4	8.4	
76	000986	Nguyễn Thanh Thảo	28/12/2009	11A10	4.20	3	7.2	4.8	0.2	4.20	2	6.4	6.00	2.5	8.5	4.25	1.5	5.75							4.25	2	6.25	6.25	2.8	9.05	
77	001010	Nguyễn Thị Thu Huyền	19/01/2009	11A10	3.65	3	6.65	7.3	0.2	4.73	2	6.93	6.75	3	9.75	5.00	1.75	6.75							5.10	2.5	7.6	7.00	3	10	
78	001032	Phạm Đăng Thắng	02/10/2009	11A10	2.15	2.25	4.4	4.3	0.8	3.85	2	6.65	5.75	2.5	8.25	3.50	1	4.5							5.00	0.25	5.25	6.25	2.8	9.05	
79	001040	Đặng Thị Tuyết Vy	18/02/2009	11A10	4.40	3	7.4	6	0.2	4.38	2	6.58	4.75	2.5	7.25	4.25	1.75	6							5.25	1.75	7	4.60	2.8	7.4	
80	001059	Võ Nguyễn Phúc Khang	17/06/2009	11A10	2.80	2.25	5.05	5	0.2	4.03	2	6.23	5.25	2.5	7.75	4.25	2.25	6.5							4.75	0.75	5.5	6.50	2	8.5	
81	001079	Lê Vũ Bảo Thịnh	13/11/2009	11A10	4.00	2.5	6.5	6	0.8	3.85	2	6.65	6.75	2.75	9.5	3.25	1.5	4.75							5.00	1.25	6.25	6.50	2.4	8.9	
82	001096	Phan Thị Thúy Bình	13/11/2009	11A10	3.30	2.5	5.8	6.8	0.2	4.38	2	6.58	4.00	2.25	6.25	5.00	0.5	5.5							4.10	0.5	4.6	5.00	1	6	
83	001124	Nguyễn Trần Phương Thy	05/09/2009	11A10	4.15	2	6.15	5.3	0	4.38	2	6.38	6.00	2.25	8.25	4.00	1	5							4.25	1.5	5.75	6.10	1.3	7.4	
84	001133	Trần Khánh Vy	21/12/2009	11A10	4.90	2.5	7.4	8	0.2	4.90	2	7.1	4.50	2.75	7.25	4.25	2	6.25							5.75	2	7.75	6.50	2.8	9.3	
85	001145	Đỗ Thị Diệu Hoa	11/04/2009	11A10	3.95	3	6.95	6.5	0.2	3.50	2	5.7	5.75	2.25	8	4.00</															

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Lớp	Toán			Văn	Anh				Sử			Lý			Hoá			Sinh			Địa			KTPL			Ghi chú
					TN	TL	TC		Nghe	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	
113	000859	Hoàng Thị Tường Vi	17/04/2009	11A11	3.55	2.75	6.3	7.3	0	4.55	2	6.55	6.50	2.5	9	4.50	2.5	7							6.25	2	8.25	7.00	2.9	9.9	
114	000865	Hoàng Đình Việt Anh	03/01/2009	11A11	5.60	2.75	8.35	7.5	0	3.68	2	5.68	3.75	2.75	6.5	3.50	1.5	5							5.50	0	5.5	6.50	0.6	7.1	
115	000872	Nguyễn Xuân Hải Đăng	09/10/2009	11A11	3.50	1.25	4.75	7	0	3.33	2	5.33	6.25	2.75	9	3.50	1.5	5							6.00	2.25	8.25	5.75	2.8	8.55	
116	000890	Trần Minh Phúc	30/10/2007	11A11	2.90	2.5	5.4	5	0	4.03	2	6.03	5.75	2.75	8.5	3.75	0.5	4.25							5.25	1.5	6.75	5.50	2.6	8.1	
117	000904	Nguyễn Thị Ngọc Vi	15/12/2009	11A11	5.80	3	8.8	8	0	4.20	2	6.2	6.75	2.5	9.25	6.75	2.75	9.5							5.75	2.25	8	7.00	3	10	
118	000925	Phạm Trung Kiên	24/02/2009	11A11	5.85	3	8.85	5.8	0	4.38	2	6.38	6.25	2.75	9	4.75	1.75	6.5							5.50	2.25	7.75	6.25	1.9	8.15	
119	000930	Ngô Nguyễn Nguyệt Minh	18/04/2009	11A11	3.35	2.5	5.85	6	0	4.38	2	6.38	6.25	2.5	8.75	4.75	1.75	6.5							4.75	2.25	7	6.50	2.4	8.9	
120	000952	Nguy Kiều Vy	06/09/2009	11A11	3.75	2.5	6.25	6.3	0	4.20	2	6.2	6.75	2.5	9.25	5.00	1.75	6.75							5.25	2.25	7.5	5.75	2.6	8.35	
121	000954	Nguyễn Hoàng Minh Anh	25/06/2009	11A11	4.75	3	7.75	7	0.2	4.38	2	6.58	6.75	1.75	8.5	6.00	3	9							5.50	2.25	7.75	6.00	2.6	8.6	
122	000958	Đồng Nguyễn Hoàng Đạt	01/12/2009	11A11	5.60	3	8.6	7	0	4.73	2	6.73	6.00	3	9	4.50	2.25	6.75							5.25	2.5	7.75	5.75	2.7	8.45	
123	000975	Nguyễn Hoàng Minh Nhật	01/08/2009	11A11	3.50	2.5	6	5.8	0.4	4.03	2	6.43	6.00	2.5	8.5	4.50	0	4.5							5.25	2.5	7.75	6.50	2.8	9.3	
124	000996	Phan Nguyễn Tường Vy	17/02/2009	11A11	5.80	3	8.8	7.3	0	5.43	2	7.43	6.00	2.75	8.75	4.75	2.75	7.5							5.75	2.25	8	7.00	3	10	
125	001013	Ngô An Khánh	29/04/2009	11A11	3.90	3	6.9	6.8	0.4	4.03	2	6.43	6.75	2.5	9.25	4.75	2	6.75							5.50	2.75	8.25	6.00	2	8	
126	001025	Vũ Trần Yến Như	19/09/2009	11A11	1.95	2	3.95	6	0.4	4.73	2	7.13	5.75	2.25	8	3.50	1.75	5.25							2.85	2	4.85	5.50	3	8.5	
127	001044	Nguyễn Quỳnh Anh	01/08/2009	11A11	4.90	3	7.9	5	0	4.20	2	6.2	5.50	2.25	7.75	6.50	2.75	9.25							6.00	2.25	8.25	6.75	3	9.75	
128	001050	Huỳnh Kỳ Duyên	08/12/2009	11A11	3.30	2.75	6.05	6.3	0.2	4.38	2	6.58	5.75	2.5	8.25	5.50	2.5	8							5.00	1.75	6.75	6.50	3	9.5	
129	001077	Nguyễn Ngọc Lan Thanh	25/05/2009	11A11	3.55	2.5	6.05	8.8	0.2	4.90	2	7.1	6.75	3	9.75	6.50	2.75	9.25							5.25	2	7.25	6.75	3	9.75	
130	001100	Đặng Minh Hoàng	24/11/2009	11A11	5.30	2	7.3	7.3	0.2	4.90	2	7.1	6.50	2.75	9.25	5.25	2.5	7.75							5.50	2	7.5	6.00	2.3	8.3	
131	001112	Phạm Trần Gia Nghiêm	06/12/2009	11A11	2.15	2.25	4.4	6.5	0.2	2.98	2	5.18	5.50	2.25	7.75	4.50	1.5	6							5.00	2.25	7.25	5.25	2.4	7.65	
132	001135	Nguyễn Gia Bản	18/02/2008	11A11	5.00	3	8	6	0	4.03	2	6.03	6.75	2.5	9.25	5.25	1.5	6.75							4.75	2.25	7	6.25	3	9.25	
133	001137	Phạm Nguyễn Chí Dũng	01/02/2009	11A11	3.00	2.5	5.5	5	0.4	3.15	2	5.55	4.50	2.75	7.25	3.25	2	5.25							5.00	1.5	6.5	5.50	2.4	7.9	
134	001157	Nguyễn Hưng Long Nhật	23/06/2009	11A11	3.65	2.75	6.4	6	0.2	4.03	2	6.23	4.00	2.75	6.75	4.00	0.75	4.75							5.50	2.25	7.75	6.25	2.2	8.45	
135	001189	NGUYỄN THỊ HÒA	19/02/2009	11A11	3.20	2.75	5.95	6.5	0	3.85	2	5.85	3.25	2.5	5.75	2.75	0.5	3.25							4.00	1	5	5.10	1.6	6.7	
136	001208	Nguyễn Thành Phát	24/09/2009	11A11	6.30	2.75	9.05	7	0	4.73	2	6.73	6.75	2.5	9.25	6.50	3	9.5							6.25	3	9.25	6.25	3	9.25	
137	001227	Nguyễn Thành Danh	22/08/2009	11A11	5.10	3	8.1	6.8	0	4.55	2	6.55	6.75	2.75	9.5	6.50	2	8.5							5.50	2.75	8.25	7.00	2.8	9.8	
138	001228	Nguyễn Tấn Dũng	09/08/2009	11A11	3.75	2.75	6.5	6	0	4.20	2	6.2	4.75	2.25	7	4.25	1.5	5.75							5.25	2.25	7.5	5.60	2.8	8.4	
139	001255	LÊ THỊ THANH THẢO	20/12/2009	11A11	4.40	3	7.4	6.8	0	4.55	2	6.55	6.50	2.5	9	5.75	2	7.75							5.75	2	7.75	6.25	3	9.25	
140	000561	Nguyễn Trọng Huy	23/12/2009	11A12	6.30	3	9.3	7.5	0	4.73	2	6.73	6.75	3	9.75							6.10	3	9.1	6.50	2.5	9	7.00	3	10	
141	000585	Trần Khánh Trinh	20/06/2009	11A12	2.65	1.5	4.15	6	0	4.38	2	6.38	5.25	2.5	7.75							4.85	1	5.85	6.00	1.75	7.75	5.00	2	7	
142	000586	Lê Thanh Trúc	26/10/2009	11A12	2.30	2	4.3	6.5	0	4.55	2	6.55	6.0																		

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Lớp	Toán			Văn	Anh				Sử			Lý			Hoá			Sinh			Địa			KTPL			Ghi chú
					TN	TL	TC		Nghe	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	
170	001066	Nguyễn Thy Lam Ngọc	15/07/2009	11A12	2.70	1.5	4.2	6.5	0	4.38	1.6	5.98	6.25	2.75	9							4.10	2	6.1	3.75	1	4.75	4.60	1.2	5.8	
171	001071	Nguyễn Trần Minh Quân	02/05/2009	11A12	2.75	2.75	5.5	5.8	0.2	3.85	2	6.05	5.75	3	8.75							5.75	1.75	7.5	6.25	1.75	8	5.75	2.8	8.55	
172	001090	Phan Hà Anh	06/04/2009	11A12	3.25	1.75	5	4.8	0.2	4.38	2	6.58	6.75	2	8.75							6.25	1	7.25	3.75	2	5.75	6.50	2.8	9.3	
173	001109	Nguyễn Thủy Phương Mai	05/08/2009	11A12	3.50	2.5	6	5.3	0	4.55	2	6.55	4.50	2	6.5							5.25	2.25	7.5	5.50	0.25	5.75	5.75	1.3	7.05	
174	001122	Lê Vũ Anh Thư	15/07/2009	11A12	2.05	2	4.05	5.5	0	4.03	2	6.03	6.25	2.25	8.5							5.50	2.5	8	4.60	1.75	6.35	6.25	2	8.25	
175	001132	Huỳnh Ngọc Thanh Vy	15/06/2009	11A12	1.55	3	4.55	6.5	0.4	4.73	2	7.13	6.75	2.75	9.5							6.25	3	9.25	5.50	2.5	8	7.00	3	10	
176	001134	Phan Quỳnh Anh	06/04/2009	11A12	3.70	2.75	6.45	5.5	0	4.38	2	6.38	6.25	2.25	8.5							5.75	2.75	8.5	4.00	2	6	6.00	1.8	7.8	
177	001140	Nguyễn Thành Đạt	01/01/2009	11A12	1.80	2.75	4.55	6	0	4.90	2	6.9	6.75	2.75	9.5							5.35	3	8.35	5.50	1	6.5	5.50	2.8	8.3	
178	001158	Nguyễn Ngọc Yến Nhi	21/12/2008	11A12	3.05	1.75	4.8	5.5	0	4.73	2	6.73	6.75	2.5	9.25							5.75	2	7.75	5.25	1	6.25	5.50	2	7.5	
179	001161	Bạch Thảo Nguyễn Phương	04/11/2009	11A12	4.70	2.75	7.45	8	0	4.55	2	6.55	6.75	3	9.75							5.35	3	8.35	5.50	2.25	7.75	7.00	2.8	9.8	
180	001188	Phạm Thị Bích Hằng	15/07/2009	11A12	5.10	3	8.1	7.3	0	4.55	2	6.55	6.50	2.75	9.25							6.25	3	9.25	5.75	1.25	7	6.50	3	9.5	
181	001199	Nguyễn Duy Mạnh	22/02/2009	11A12	3.55	2.25	5.8	7	0	4.55	2	6.55	6.25	2.25	8.5							5.75	2.25	8	4.60	1.5	6.1	5.35	2.8	8.15	
182	001213	Trần Phát Thông	04/09/2009	11A12	3.50	2.25	5.75	5.5	0	4.73	2	6.73	6.50	2	8.5							5.50	1	6.5	5.00	1.75	6.75	5.60	3	8.6	
183	001234	Trần Thị Thu Hằng	03/03/2009	11A12	2.15	1	3.15	5.5	0	4.20	2	6.2	6.75	3	9.75							5.75	2.5	8.25	5.25	1.75	7	7.00	1.8	8.8	
184	001248	Thạch Thị Quỳnh Như	19/10/2009	11A12	2.20	2.75	4.95	6	0	3.85	2	5.85	6.75	2.5	9.25							5.60	3	8.6	4.50	1.75	6.25	4.50	2.8	7.3	
185	001252	Nguyễn Hoàng Minh Phúc	26/09/2009	11A12	3.90	1.75	5.65	6.5	0	4.90	1.9	6.8	6.25	1.75	8							5.75	2	7.75	5.00	1.5	6.5	6.10	2.4	8.5	
186	000558	Võ Lê Thu Hồng	30/07/2009	11A13	4.20	3	7.2	7	0.2	4.20	2	6.4	6.75	2.5	9.25							5.85	3	8.85	5.00	2.5	7.5	7.00	2.8	9.8	
187	000576	Ninh Thị Gia Như	03/02/2009	11A13	2.40	2.25	4.65	7.8	0.2	3.68	1.2	5.08	6.25	2.5	8.75							4.60	2.25	6.85	5.00	2.25	7.25	7.00	2	9	
188	000605	Nguyễn Thị Hoa Huệ	05/05/2009	11A13	4.25	3	7.25	8	0.2	4.55	2	6.75	6.75	2.5	9.25							5.35	3	8.35	5.00	2	7	7.00	2.8	9.8	
189	000627	Trần Quốc Thịnh	25/06/2009	11A13	3.90	3	6.9	8.8	0.2	4.03	2	6.23	6.75	3	9.75							5.60	2.75	8.35	4.25	2.5	6.75	7.00	3	10	
190	000636	Bùi Lê Nam An	26/12/2009	11A13	3.45	3	6.45	6.8	0.2	4.20	2	6.4	6.00	3	9							5.50	3	8.5	6.00	2.5	8.5	6.50	2.8	9.3	
191	000651	Trần Quốc Huy	06/02/2009	11A13	2.55	2.25	4.8	6.8	0.2	5.08	2	7.28	5.75	2.5	8.25							6.25	1.75	8	6.25	2.25	8.5	5.50	2.8	8.3	
192	000667	Nguyễn Kim Kiều Oanh	25/12/2009	11A13	3.95	3	6.95	5	0	4.90	2	6.9	2.50	2.25	4.75							5.10	2	7.1	4.50	2	6.5	6.25	2	8.25	
193	000689	Trần Thúy Diễm	08/01/2009	11A13	4.00	2.25	6.25	7.3	0.2	4.38	2	6.58	6.75	2.75	9.5							4.85	2	6.85	5.00	1.25	6.25	7.00	3	10	
194	000696	Phan Tuấn Khanh	30/07/2008	11A13	5.20	2.75	7.95	5.8	0	4.20	2	6.2	6.75	2.25	9							6.25	3	9.25	6.25	2.25	8.5	6.00	2.8	8.8	
195	000717	Đỗ Anh Thư	01/02/2009	11A13	4.40	2.75	7.15	8	0	4.55	2	6.55	6.00	2.5	8.5							6.10	3	9.1	5.25	2.25	7.5	7.00	2.8	9.8	
196	000745	Nguyễn Anh Khoa	24/02/2009	11A13	2.75	3	5.75	4.5	0.4	4.38	2	6.78	5.50	2.25	7.75							5.85	2	7.85	5.25	2.25	7.5	6.50	1.8	8.3	
197	000757	Chung Thiên Phúc	19/07/2009	11A13	3.45	2.5	5.95	7.3	0.2	4.03	2	6.23	6.25	2.5	8.75							6.25	2.25	8.5	4.75	2.25	7	5.35	2.6	7.95	
198	000786	Nguyễn Tuấn Kiệt	01/09/2009	11A13	2.90	1.75	4.65	6.8	0.2	4.20	2	6.4	6.25	2.25	8.5							4.50	0.5	5	4.50	0.75	5.25	5.75	0.8	6.55	
199	000792	Ngô Phan Khánh Ngân	01/06/2008	11A13	4.00	3	7	9	0	4.90	2	6.9																			

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Lớp	Toán			Văn	Anh				Sử			Lý			Hoá			Sinh			Địa			KTPL			Ghi chú
					TN	TL	TC		Nghe	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	
227	001212	Lưu Phước Thịnh	25/11/2009	11A13	4.25	2	6.25	6.5	0.2	4.03	1.9	6.13	4.25	0.75	5							5.50	2	7.5	4.50	1.5	6	5.75	0.2	5.95	
228	001235	Đỗ Quang Hiếu	23/03/2009	11A13	1.30	0.5	1.8	2.3	0.4	2.28	1.9	4.58	3.25	0.5	3.75							4.85	1.5	6.35	5.00	0.75	5.75	5.75	1.1	6.85	
229	001247	Huỳnh Trần Bảo Như	05/03/2009	11A13	4.45	3	7.45	8.3	0	4.73	2	6.73	4.00	2.25	6.25							5.60	2.75	8.35	4.50	2.25	6.75	4.60	2	6.6	
230	001262	Phạm Minh Trí	18/03/2009	11A13	3.00	1.25	4.25	6	1	4.38	2	7.38	2.75	1	3.75							5.25	2.5	7.75	5.00	1.25	6.25	5.75	0.9	6.65	
231	001263	Trương Nguyễn Cao Trí	21/10/2009	11A13	3.15	2.25	5.4	5	0.2	4.20	2	6.4	5.50	2.5	8							5.10	1.5	6.6	5.00	0.5	5.5	5.00	0.2	5.2	
232	000555	Nguyễn Hoàng Minh Hiếu	23/11/2009	11A14	3.25	2.5	5.75	5.8	0.2	4.20	2	6.4	6.75	2.25	9							5.60	1.5	7.1	5.75	2	7.75	7.00	3	10	
233	000559	Nguyễn Công Hùng	14/12/2009	11A14	3.50	2.5	6	5.3	0.2	4.73	2	6.93	6.25	1.5	7.75							6.50	2.25	8.75	5.00	2.75	7.75	6.00	2	8	
234	000563	Trần Tuấn Hưng	06/01/2009	11A14	4.85	2.25	7.1	7	0.6	4.55	2	7.15	6.25	2.75	9							6.00	3	9	6.00	2.25	8.25	7.00	3	10	
235	000578	Bùi Thanh Thảo	12/10/2009	11A14	4.10	3	7.1	7.5	0	4.03	2	6.03	6.75	2.25	9							6.25	3	9.25	5.25	2.5	7.75	5.25	2.6	7.85	
236	000595	Nguyễn Thảo Anh	04/06/2009	11A14	2.40	1.5	3.9	6	0.4	3.85	2	6.25	5.75	1	6.75							4.25	2	6.25	3.75	0.25	4	5.00	0.8	5.8	
237	000608	Võ Thư Kỳ	12/05/2009	11A14	3.75	2.5	6.25	5.8	0	5.08	2	7.08	5.25	2.25	7.5							6.25	2.25	8.5	5.25	2.25	7.5	6.25	3	9.25	
238	000623	Trần Thị Thu Thảo	18/06/2009	11A14	3.25	2.75	6	7	0	4.73	2	6.73	5.00	2.25	7.25							5.75	2.75	8.5	5.50	2.25	7.75	4.75	3	7.75	
239	000645	Tô Thị Diễm Hằng	18/10/2008	11A14	2.85	2.25	5.1	5.5	0.2	4.90	2	7.1	5.25	2	7.25							3.50	2.25	5.75	4.60	2	6.6	5.50	2.8	8.3	
240	000660	Lê Tuấn Minh	02/09/2009	11A14	4.55	2.25	6.8	7	0.6	5.78	2	8.38	6.00	2.5	8.5							5.60	2.5	8.1	6.50	2.25	8.75	6.25	2.8	9.05	
241	000671	Hồ Ngọc Nhã Thi	07/08/2009	11A14	2.30	2.25	4.55	5.3	0.2	4.38	2	6.58	4.75	2.5	7.25							5.85	2	7.85	6.25	1.75	8	5.75	2.8	8.55	
242	000682	Huỳnh Ngọc Trâm Anh	29/06/2009	11A14	3.05	3	6.05	6.3	0	4.55	2	6.55	6.25	3	9.25							5.00	2.25	7.25	5.25	1.5	6.75	6.25	2	8.25	
243	000711	Bùi Kim Phương	26/09/2008	11A14	4.40	2.25	6.65	6.8	0	3.68	2	5.68	5.00	2.75	7.75							6.25	3	9.25	5.50	1.75	7.25	5.60	2.8	8.4	
244	000719	Nguyễn Võ Anh Thư	23/06/2009	11A14	3.75	2.25	6	7	0	3.85	2	5.85	6.75	2.25	9							5.10	3	8.1	5.00	1.5	6.5	5.50	2.8	8.3	
245	000736	Huỳnh Hoàn Hào	13/03/2009	11A14	3.55	3	6.55	6	0	4.55	2	6.55	6.75	2.25	9							5.35	2.75	8.1	5.50	2.25	7.75	5.25	2.7	7.95	
246	000742	Lê Minh Khang	24/06/2009	11A14	2.70	1.75	4.45	4.5	0.2	3.68	2	5.88	5.00	1.25	6.25							5.60	0.5	6.1	5.25	1	6.25	4.60	1	5.6	
247	000760	Võ Lê Bảo Thy	08/10/2009	11A14	4.10	2.5	6.6	6.8	0.4	4.90	2	7.3	5.50	1.75	7.25							5.75	2.5	8.25	6.25	3	9.25	5.75	2.1	7.85	
248	000787	Phạm Mai Lam	20/08/2009	11A14	5.30	3	8.3	6.5	0.2	4.73	2	6.93	6.25	2.25	8.5							5.85	1.75	7.6	5.75	2	7.75	6.25	2.8	9.05	
249	000810	Nguyễn Nhật Tiến	06/07/2009	11A14	3.15	2	5.15	5.8	0	4.55	1.9	6.45	5.00	1.75	6.75							4.60	2	6.6	5.25	2.25	7.5	6.50	2	8.5	
250	000826	Võ Văn Trí Đức	10/11/2008	11A14	3.25	2.75	6	5.5	0	4.38	2	6.38	5.25	2	7.25							5.35	0.75	6.1	6.00	1	7	5.50	1	6.5	
251	000840	Phạm Minh Ngân	04/03/2009	11A14	3.75	1.5	5.25	6	0	4.55	2	6.55	6.00	2	8							6.25	0.5	6.75	5.00	1	6	5.25	1.6	6.85	
252	000855	Nguyễn Ngọc Đoan Trang	06/10/2009	11A14	2.95	2.5	5.45	7	0.2	4.55	2	6.75	5.00	2.25	7.25							6.00	3	9	4.75	2.5	7.25	5.75	2.9	8.65	
253	000893	Võ Ngọc Quyền	15/03/2009	11A14	3.00	2	5	5.3	0.2	4.03	2	6.23	6.75	0.5	7.25							4.35	1	5.35	5.00	0.25	5.25	6.00	2	8	
254	000902	Nguyễn Thị Tuyết Trân	31/08/2008	11A14	5.30	2.5	7.8	7.5	0	5.08	2	7.08	6.75	2.5	9.25							5.50	3	8.5	3.75	2.25	6	6.75	3	9.75	
255	000915	Phạm Huỳnh Tấn Đạt	04/11/2009	11A14	2.95	2	4.95	4.5	0	4.03	2	6.03	5.25	0.75	6							4.10	1.5	5.6	5.75	0.5	6.25	5.75	1.5	7.25	
256	000923	Huỳnh Dương Anh Khôi	29/09/2009	11A14	4.35	3	7.35	7	0.4																						

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Lớp	Toán			Văn	Anh				Sử			Lý			Hoá			Sinh			Địa		KTPL			Ghi chú
					TN	TL	TC		Nghe	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TC	TN	TL	TC	
284	000706	Nguyễn Gia Như	17/10/2008	11A15	3.95	2.25	6.2	8.3	0	4.38	2	6.38	6.75	2.5	9.25						6.00	3	9	5.50	2	7.5	6.50	2.8	9.3	
285	000728	Nguyễn Hoàng Quyền Anh	24/08/2009	11A15	4.75	3	7.75	5.3	0	4.55	2	6.55	6.50	2.75	9.25						5.60	3	8.6	4.75	1.25	6	5.75	2.7	8.45	
286	000759	Trần Thái Thịnh	20/05/2009	11A15	3.05	2.5	5.55	6.3	0	4.20	2	6.2	5.75	2.25	8						5.60	2	7.6	4.50	1.75	6.25	6.25	0.8	7.05	
287	000761	Trần Gia Toàn	19/09/2009	11A15	4.10	3	7.1	7.5	0	4.20	2	6.2	4.50	2.75	7.25						4.25	2	6.25	3.75	2	5.75	5.00	1	6	
288	000779	Đặng Thị Diệu Hà	28/10/2009	11A15	5.15	2.75	7.9	7.8	0	4.73	2	6.73	6.25	2	8.25						5.75	2.25	8	5.00	1	6	5.75	2.8	8.55	
289	000796	Nguyễn Thị Ngọc Nhi	04/12/2009	11A15	5.35	3	8.35	7.3	0	4.90	2	6.9	6.50	2.5	9						6.25	3	9.25	5.25	1.25	6.5	6.50	3	9.5	
290	000811	Nguyễn Thị Thanh Tuyền	31/08/2009	11A15	4.05	3	7.05	8.3	0.2	4.38	2	6.58	6.75	2.75	9.5						6.25	3	9.25	6.00	2	8	7.00	3	10	
291	000820	Lê Nguyễn Ngọc Ánh	17/11/2009	11A15	3.85	2.5	6.35	8.3	0.2	5.25	2	7.45	6.25	2.25	8.5						5.85	3	8.85	4.25	2	6.25	6.50	2.6	9.1	
292	000851	Nguyễn Đoàn Phương Thảo	14/08/2009	11A15	3.95	2.5	6.45	9	0	4.55	2	6.55	6.50	3	9.5						5.85	3	8.85	5.75	2.25	8	6.10	3	9.1	
293	000863	Hà Hải Yến	11/06/2009	11A15	5.05	2.25	7.3	7.3	0	3.50	2	5.5	5.75	2.5	8.25						6.50	2.75	9.25	5.75	1.25	7	6.00	2.6	8.6	
294	000875	Lê Anh Ngọc Hiếu	18/08/2009	11A15	3.15	1.25	4.4	6.8	0	3.50	2	5.5	3.25	1	4.25						5.50	1.5	7	4.50	0.5	5	6.25	0	6.25	
295	000886	Nguyễn Thị Kiều Nhi	23/03/2009	11A15	2.90	3	5.9	7.8	0.2	4.03	2	6.23	6.75	2.5	9.25						4.60	2	6.6	5.25	0.75	6	4.50	1.8	6.3	
296	000911	Nguyễn Thiên Bảo	15/05/2009	11A15	4.65	2.5	7.15	7.3	0	3.85	2	5.85	6.75	2.75	9.5						6.25	3	9.25	4.75	1	5.75	6.00	2.5	8.5	
297	000938	Nguyễn Thành Tài	22/10/2008	11A15	3.35	2.25	5.6	7.5	0	3.85	2	5.85	5.25	2.75	8						6.50	2	8.5	5.25	1.75	7	6.10	1.5	7.6	
298	000943	Thạch Thị Huỳnh Trinh	25/04/2009	11A15	3.30	2.25	5.55	8	0.2	4.55	2	6.75	6.00	2.25	8.25						5.35	1.75	7.1	5.00	0	5	5.50	2	7.5	
299	000964	Huy Đức Hòa	01/02/2009	11A15	5.15	3	8.15	7.8	0.4	4.55	2	6.95	6.75	3	9.75						6.00	3	9	5.50	2.25	7.75	6.50	2.8	9.3	
300	000974	Nguyễn Bảo Ngọc	16/10/2009	11A15	3.90	1.75	5.65	4.5	0	3.68	1.2	4.88	6.00	2.75	8.75						5.85	2.75	8.6	4.25	1.75	6	4.75	2.2	6.95	
301	000993	Kiều Phan Yến Vân	13/12/2009	11A15	2.65	2.25	4.9	5.5	0.2	3.68	2	5.88	3.75	0.75	4.5						2.85	2.5	5.35	4.25	1	5.25	4.75	1.8	6.55	
302	001005	Phạm Gia Bảo	08/05/2009	11A15	3.30	2.75	6.05	6.3	0	4.20	2	6.2	6.25	2.5	8.75						6.25	2.75	9	5.25	2	7.25	7.00	3	10	
303	001026	Cao Mạnh Phú	23/12/2009	11A15	3.25	2.25	5.5	7.8	0.2	3.50	2	5.7	4.25	2.25	6.5						5.75	0.75	6.5	3.25	0.25	3.5	5.60	1	6.6	
304	001043	Tạ Thị Minh Yến	17/04/2009	11A15	3.75	3	6.75	7.3	0	4.55	2	6.55	6.75	2.5	9.25						6.00	3	9	5.00	2	7	7.00	3	10	
305	001057	Lâm Gia Huy	22/01/2009	11A15	3.30	2.75	6.05	5.3	0	4.38	1.9	6.28	4.25	2.5	6.75						5.50	3	8.5	5.25	2	7.25	5.50	2	7.5	
306	001065	Lưu Nguyễn Khánh Ngọc	26/12/2009	11A15	3.05	2.75	5.8	8.8	0	4.90	2	6.9	6.00	2.75	8.75						5.60	3	8.6	5.50	1.75	7.25	6.75	2.6	9.35	
307	001095	Phạm Thanh Bình	13/05/2009	11A15	4.45	3	7.45	8.5	0.2	4.38	2	6.58	6.50	2.25	8.75						5.85	3	8.85	5.25	2	7.25	6.50	2.9	9.4	
308	001117	Phạm Hồng Phong	06/10/2009	11A15	3.85	2	5.85	7.3	0.2	4.73	2	6.93	4.50	1.25	5.75						5.00	1.5	6.5	4.75	0	4.75	5.75	1.1	6.85	
309	001127	Nguyễn Thị Thanh Trúc	23/12/2009	11A15	3.70	3	6.7	7.5	0	4.38	2	6.38	6.75	2.25	9						6.10	3	9.1	5.00	0.5	5.5	6.75	2.3	9.05	
310	001147	Nguyễn Minh Hưng	09/12/2009	11A15	1.90	1.25	3.15	5	0.2	4.03	2	6.23	3.25	3	6.25						3.00	1.25	4.25	4.00	1.25	5.25	5.50	2.2	7.7	
311	001154	Nguyễn Thu Kim Ngân	12/03/2009	11A15	3.75	2.75	6.5	9.5	0	4.38	2	6.38	6.75	3	9.75						6.00	3	9	6.25	2	8.25	7.00	3	10	
312	001176	Lê Tường Vi	28/12/2009	11A15	4.65	3	7.65	7.3	0	4.20	2	6.2	6.75	2.25	9						6.50	3	9.5	6.00	2	8	6.50	3	9.5	
313	001187	Trương Thị Mỹ Duyên	06/07/2009	11A15	3.90	3	6.9	7.5	0	3.85	2	5.85	6.75	2.5	9.25						6.00	3	9	5.25	2	7.25	6.75	3	9.75	
314	001207	Nguyễn Ngọc Vy Oanh	24/03/2009	11A15	4.25	2.75	7	9	0.2	4.20	2	6.4	6.75	2.75	9.5						6.25	3	9.25	5.50	3	8.5	6.75	2.8	9.55	
315	001240	Ngô Xuân Lộc	19/06/2009	11A15	4.15	3	7.15	7	0	4.38	2	6.38	3.25	2.5	5.75						5.10	2.25	7.35	4.25	0.75	5	6.25	1.2	7.45	
316	001242	Nguyễn Thị Trà My	01/04/2009	11A15	4.00	2.5	6.5	9	0.4	4.38	2	6.78	6.75	2.5	9.25						6.50	3	9.5	6.25	2	8.25	6.10	3	9.1	
317	000549	Lương Gia Bảo	09/12/2009	11A16	4.40	2.5	6.9	6.8	0.2	4.03	2	6.23	4.00	2.5	6.5						5.75	3	8.75	5.50	2.5	8	5.50	3	8.5	
318	000565	Nguyễn Tuấn Kiệt	09/10/2009	11A16	4.55	3	7.55	8	0	4.55	2	6.55	6.75	2.5	9.25						6.25	3	9.25	5.60	2.25	7.85	6.75	3	9.75	
319	000598	Nguyễn Thanh Bình	11/07/2009	11A16	3.20	2.75	5.95	3.8	0.2	3.85	2	6.05	3.00	2.5	5.5						3.35	2.25	5.6	3.25	0.5	3.75	4.85	2.8	7.65	
320	000616	Đào Nguyễn Quỳnh Như	16/11/2009	11A16	3.30	2.5	5.8	7.5	0.2	3.85	2	6.05	5.00	1.5	6.5						5.50	2.25	7.75	5.00	2.25	7.25	6.25	2.8	9.05	
321	000643	Đào Minh Châu	17/12/2009	11A16	4.45	2.75	7.2	7.5	0	4.90	2	6.9	6.75	2.75	9.5						5.50	3	8.5	6.00	3	9	7.00	3	10	
322	000656	Dương Thúy Kiều	15/05/2009	11A16	4.45	3	7.45	7.8	0.2	4.90	2	7.1	6.75	2.25	9						6.25	3	9.25	5.75	2	7.75	6.00	3	9	
323	000683	Lâm Quỳnh Anh	16/11/2009	11A16	3.85	3	6.85	8	0.2	4.03	2	6.23	6.25	2.5	8.75						4.25	2.25	6.5	4.25	2.25	6.5	6.50	3	9.5	
324	000688	Trần Quốc Chiến	09/07/2009	11A16	3.35	2.75	6.1	7	0	4.03	2	6.03	6.25	2	8.25						5.10	3	8.1	5.50	2.25	7.75	6.10	2.4	8.5	
325	000707	Nguyễn Hoàng Yến Như	22/05/2009	11A16	3.35	2	5.35	6.3	0.2	4.20	2	6.4	6.25	1.75	8						4.25	2.25	6.5	3.35	0.25	3.6	5.25	1.4	6.65	
326	000726	Lê Hoàng Hải Yến	27/10/2009	11A16	4.90	3	7.9	8.5	0.2	4.20	2	6.4	6.75	2.5	9.25						6.50	3	9.5	6.50	2.25	8.75	6.75	3	9.75	
327	000732	Nguyễn Phan Duy Cường	28/03/2009	11A16	5.10	3	8.1	7.8	0.2	4.20	2	6.4	6.75	2.25	9						6.50	3	9.5	5.75	2	7.75	7.00	3	10	
328	000749	Nguyễn Khánh Ly	02/11/2009	11A16	5.15	2.75	7.9	6.3	0.2	4.38	2	6.58	5.75	1	6.75						6.10	2.75	8.85	4.85	0.25	5.1	5.75	2.2	7.95	
329	000778	Mai Thị Mỹ Duyên	07/09/2009	11A16	2.70	3	5.7	7	0	4.73	2	6.73	3.25	3	6.25						5.75	2.25	8	4.75	2	6.75	5.75	2.6	8.35	
330	000798	Lê Thiên Phú	06/09/2009	11A16	4.30	3	7.3	7.3	0	3.85	2	5.85	6.75	2	8.75						6.00	3	9	4.50	2	6.5	6.25	2.8	9.05	
331	000815	Trần Bảo Vy	29/03/2009	11A16	2.90	2.75	5.65	7.5	0.4	3.85	2	6.25	6.50	3	9.5						6.10	1	7.1	4.50	1.25	5.75	5.75	1.7	7.45	
332	000824	Đoàn Trần Hải Dương	25/02/2009	11A16	3.35	2.5	5.85	5.3	0	3.50	2	5.5	6.25	3	9.25						5.00	2.5	7.5	3.00	1.5	4.5	6.50	2.8	9.3	
333	000839	Hà Ngọc Kim Ngân	23/08/2009	11A16	3.35	2.75	6.1	7.8	0.4	4.20	2	6.6	6.50	2.5	9						6.00	2	8	4.35	0.75	5.1	6.50	2.		

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Lớp	Toán			Văn	Anh				Sử			Lý			Hoá			Sinh			Địa			KTPL			Ghi chú
					TN	TL	TC		Nghe	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	
341	000980	Đinh Vũ Hoàng Phụng	19/08/2009	11A16	3.75	3	6.75	5	0.4	4.38	2	6.78	3.75	2	5.75							5.75	2.5	8.25	3.35	0.75	4.1	5.75	2.7	8.45	
342	000992	Bùi Ngọc Trúc Vân	20/02/2009	11A16	3.25	2.25	5.5	6	0.2	4.20	2	6.4	3.25	2.5	5.75							3.85	2	5.85	3.75	1.5	5.25	6.50	2	8.5	
343	001009	BÙI THẾ HIỂN	24/03/2009	11A16	2.75	2.25	5	7.5	0.2	3.85	2	6.05	4.50	2.5	7							6.25	2.25	8.5	5.75	1.25	7	6.00	2	8	
344	001021	NGUYỄN KHÁNH NGỌC	01/09/2009	11A16	3.50	3	6.5	8.5	0	4.90	2	6.9	6.25	3	9.25							5.50	3	8.5	6.00	3	9	6.75	3	9.75	
345	001047	Phan Ngọc Ánh	27/02/2008	11A16	V	Vắng	Vắng	5.3	0.2	1.93	1.2	3.33	4.50	1.25	5.75							3.35	1.75	5.1	4.00	0	4	5.25	1.3	6.55	
346	001058	Lê Trần Gia Huy	02/01/2009	11A16	3.75	2	5.75	6.8	0.2	4.20	2	6.4	5.75	2.75	8.5							6.10	3	9.1	5.00	1.25	6.25	6.00	3	9	
347	001072	Lê Bảo Quyên	06/10/2009	11A16	3.95	2.5	6.45	7.5	0.2	3.50	2	5.7	4.50	2.5	7							4.25	1.75	6	5.25	1.75	7	5.75	3	8.75	
348	001080	Nguyễn Bảo Thy	20/07/2009	11A16	3.30	2.25	5.55	8.5	0	3.85	2	5.85	6.25	2.75	9							5.50	3	8.5	3.95	2.25	6.2	5.75	3	8.75	
349	001103	Phùng Anh Huy	18/02/2009	11A16	1.30	1	2.3	5	0.2	4.20	2	6.4	6.25	1.25	7.5							5.60	2	7.6	4.25	1	5.25	5.60	1.3	6.9	
350	001115	Lưu Thị Yến Nhi	10/02/2009	11A16	5.35	3	8.35	8.3	0.2	4.73	2	6.93	6.00	2.5	8.5							5.75	3	8.75	4.75	2	6.75	6.50	2.8	9.3	
351	001148	Nguyễn Minh Khang	30/10/2009	11A16	4.45	3	7.45	6.5	0	4.20	2	6.2	6.50	2.5	9							5.75	3	8.75	5.50	2	7.5	7.00	3	10	
352	001162	Nguyễn Ngọc Như Quỳnh	25/08/2008	11A16	2.65	2.75	5.4	7.5	0.2	4.20	2	6.4	4.75	2.25	7							4.60	2	6.6	4.50	2	6.5	5.60	2	7.6	
353	001169	Lý Minh Thư	21/06/2009	11A16	4.40	3	7.4	7.5	0.2	5.25	2	7.45	5.75	2.5	8.25							6.00	3	9	4.50	1.75	6.25	6.00	2.4	8.4	
354	001179	Nguyễn Ngọc An	20/10/2009	11A16	3.45	2	5.45	6.3	0.2	4.38	2	6.58	5.50	2	7.5							3.50	2.75	6.25	4.75	1.25	6	4.75	1.4	6.15	
355	001195	Cao Ngọc Bảo Khuyên	19/03/2009	11A16	2.65	2.5	5.15	8.8	0.2	4.90	2	7.1	4.75	2	6.75							6.25	2.5	8.75	4.75	1	5.75	6.25	2.2	8.45	
356	001205	Tô Ngọc Xuân Nhi	06/11/2009	11A16	2.65	1.75	4.4	7	0.2	4.73	2	6.93	4.50	1.25	5.75							4.50	1.225	5.725	5.75	3	8.75	5.75	1.8	7.55	
357	001225	Bùi Dương Bảo Ân	27/09/2009	11A16	3.25	1.25	4.5	7	0.2	4.20	2	6.4	6.25	3	9.25							6.50	3	9.5	6.00	2.25	8.25	5.25	3	8.25	
358	001238	Nguyễn Tấn Kiệt	13/08/2009	11A16	2.70	2.5	5.2	5.5	0.2	3.33	2	5.53	3.50	3	6.5							3.35	1.5	4.85	2.75	1	3.75	5.00	1.7	6.7	
359	001257	Nguyễn Vũ Phương Thảo	23/12/2009	11A16	3.70	2	5.7	5.5	0	4.73	2	6.73	4.75	1.5	6.25							4.75	2.25	7	5.50	2	7.5	6.10	1.7	7.8	
360	001259	Nguyễn Hoàng Gia Thịnh	29/07/2009	11A16	2.75	0	2.75	5	1	5.60	1	7.6	3.25	1.5	4.75				0			3.75	1	4.75	3.00	0	3	5.75	1	6.75	
361	000553	Hồ Trọng Hiếu	09/09/2009	11A2	2.40	1.75	4.15	6.5	0.2	3.50	2	5.7	3.50	2	5.5	2.75	2	4.75	3.10	1.5	4.6										
362	000556	Nguyễn Huỳnh Minh Hiếu	10/08/2009	11A2	4.85	2.75	7.6	6	0.2	3.85	2	6.05	5.75	2.5	8.25	4.50	2	6.5	6.00	1.25	7.25										
363	000575	Nguyễn Huỳnh Thành Nhân	01/06/2009	11A2	5.65	3	8.65	8.5	0	4.55	2	6.55	5.50	2.75	8.25	5.00	2.25	7.25	3.20	1.5	4.7										
364	000587	Đặng Nhật Trường	15/04/2009	11A2	4.45	2.75	7.2	8.3	0.2	5.25	2	7.45	5.75	2.5	8.25	5.50	2.5	8	4.50	1	5.5										
365	000591	Nguyễn Phạm Hoàng An	16/06/2009	11A2	3.90	3	6.9	6.8	0.2	3.85	2	6.05	6.00	2.25	8.25	2.75	1	3.75	4.25	2	6.25										
366	000606	Bùi Quốc Huy	31/07/2009	11A2	1.70	1.75	3.45	4.5	0.2	3.68	2	5.88	5.50	2	7.5	2.25	1	3.25	3.50	1	4.5										
367	000617	Hồ Nguyễn Tú Như	03/02/2009	11A2	2.55	2.5	5.05	6	0.2	4.38	2	6.58	5.25	2.5	7.75	2.50	1.5	4	3.00	1.5	4.5										
368	000646	Trần Võ Gia Hân	05/10/2009	11A2	4.10	2	6.1	6.3	0	4.03	1.9	5.93	5.00	2.25	7.25	5.50	2	7.5	4.25	2	6.25										
369	000658	Nguyễn Thị Thùy Linh	29/06/2009	11A2	6.25	3	9.25	6.3	0	4.73	2	6.73	6.75	2.75	9.5	5.75	2.75	8.5	5.50	2	7.5										
370	000666	Nguyễn Bạch Quỳnh Như	16/06/2009	11A2	5.55	3	8.55	7	0	4.20	2	6.2	6.75	2	8.75	5.50	2	7.5	4.70	2	6.7										
371	000678	Nguyễn Thành Tú																													

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Lớp	Toán			Văn	Anh				Sử			Lý			Hoá			Sinh			Địa			KTPL			Ghi chú
					TN	TL	TC		Nghe	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	
398	001093	Vũ Hoàng Kim Anh	20/01/2009	11A2	4.05	2.25	6.3	5.8	0.2	3.33	2	5.53	6.50	2	8.5	3.50	2.5	6	4.20	1.75	5.95										
399	001101	Phạm Mạnh Hùng	07/04/2009	11A2	2.80	1.75	4.55	5	0	3.68	2	5.68	3.00	2	5	4.25	1	5.25	3.25	1.25	4.5										
400	001121	Nguyễn Huỳnh Đức Thịnh	21/03/2009	11A2	3.30	2	5.3	6.8	0.2	4.55	2	6.75	5.00	2	7	3.25	1	4.25	3.10	2	5.1										
401	001149	Phạm Duy Khôi	19/11/2009	11A2	4.25	3	7.25	6.5	0.2	4.20	2	6.4	6.25	2.75	9	3.75	1	4.75	3.85	1	4.85										
402	001168	Đặng Thanh Thuận	21/05/2009	11A2	4.35	3	7.35	6.8	0.2	4.38	2	6.58	6.75	2.5	9.25	5.25	1.75	7	4.25	1.5	5.75										
403	001180	Đinh Sỹ Đức Anh	15/04/2009	11A2	2.45	1.25	3.7	5.3	0.4	4.20	2	6.6	3.75	0.5	4.25	2.25	0	2.25	2.85	1.75	4.6										
404	001200	Vũ Hoàng Minh	10/09/2009	11A2	3.85	2.5	6.35	5.3	0.2	4.03	2	6.23	6.25	2.5	8.75	5.50	2	7.5	4.85	2.25	7.1										
405	001216	Huỳnh Phúc Toàn	12/09/2009	11A2	4.65	1.75	6.4	5.8	0.2	4.38	2	6.58	4.75	2	6.75	2.25	1.5	3.75	5.00	2.25	7.25										
406	001246	Trần Ngọc Thái Nguyên	04/01/2009	11A2	5.85	2.5	8.35	6.5	0.4	4.20	2	6.6	5.25	2.25	7.5	5.50	2.25	7.75	3.35	1.5	4.85										
407	001261	Lại Vũ Huyền Trân	01/06/2009	11A2	4.25	3	7.25	6.5	0	4.03	2	6.03	5.25	2.5	7.75	4.00	1.5	5.5	3.50	1.5	5										
408	000551	Lê Nguyễn Minh Châu	22/12/2008	11A3	V	Vắng	Vắng	Vắng	0	V	Vắng	Vắng	V	Vắng	Vắng	V	Vắng	Vắng	V	Vắng	Vắng										
409	000566	Trần Trọng Nhật Lâm	11/10/2009	11A3	3.05	2.75	5.8	5.3	0.4	3.50	2	5.9	5.50	2.25	7.75	5.00	0.75	5.75	3.50	0.75	4.25										
410	000568	Lưu Hoàng Long	25/01/2009	11A3	3.15	3	6.15	6.3	0	4.03	2	6.03	3.75	2.5	6.25	4.00	1.5	5.5	2.00	0.75	2.75										
411	000597	Nguyễn Gia Bảo	06/01/2009	11A3	3.35	2.75	6.1	5.8	0.2	3.68	2	5.88	4.50	2	6.5	4.00	2	6	3.25	1.5	4.75										
412	000604	Nguyễn Minh Hiếu	25/02/2009	11A3	3.75	2.75	6.5	6.3	0	4.73	2	6.73	3.75	2.25	6	4.25	0	4.25	4.75	0.5	5.25										
413	000621	Lê Hoàng Phúc	30/11/2009	11A3	4.70	2.75	7.45	7.5	0	4.55	2	6.55	6.50	3	9.5	4.75	3	7.75	5.00	2.25	7.25										
414	000655	Lương Gia Kiệt	12/10/2009	11A3	6.40	1	7.4	7	0.2	4.20	2	6.4	3.00	2.25	5.25	2.00	0	2	2.10	0.75	2.85										
415	000670	Lê Trần Mỹ Tâm	21/08/2009	11A3	3.35	2.25	5.6	4.3	0.4	4.03	2	6.43	6.50	2.5	9	4.25	0.25	4.5	2.95	1	3.95										
416	000686	Nguyễn Xuân Bắc	25/06/2009	11A3	4.25	3	7.25	6.3	0.4	4.55	2	6.95	5.00	3	8	5.00	2.75	7.75	3.00	1.5	4.5										
417	000693	Kim Trung Hiếu	01/03/2009	11A3	4.30	3	7.3	5.8	0.2	4.55	1.8	6.55	4.75	2.75	7.5	5.50	2	7.5	3.25	1.5	4.75										
418	000721	Tăng Thanh Tiến	06/01/2009	11A3	5.20	2.25	7.45	5.8	0	3.85	1.2	5.05	2.75	1.75	4.5	3.25	1.75	5	3.60	1.25	4.85										
419	000746	Lê Cao Minh Khôi	10/03/2009	11A3	4.00	1.5	5.5	4.5	0.2	3.50	2	5.7	4.00	2.5	6.5	3.75	0	3.75	3.60	0.25	3.85										
420	000751	Trần Hoàng Đại Nghĩa	19/07/2009	11A3	3.80	2.75	6.55	6	0.2	4.38	2	6.58	3.50	2	5.5	3.00	0.75	3.75	2.00	0.75	2.75										
421	000775	Phan Trí Bình	02/12/2009	11A3	4.45	2.75	7.2	6.3	0.2	4.38	2	6.58	3.75	2.5	6.25	4.00	1.5	5.5	2.35	0.25	2.6										
422	000782	Phạm Lê Thu Hiền	11/03/2009	11A3	4.10	2.25	6.35	6.8	0.2	4.55	2	6.75	6.50	2.25	8.75	3.50	1.5	5	4.35	1.5	5.85										
423	000802	Phan Thị Thảo Phương	01/06/2009	11A3	1.50	2.5	4	7	0.2	4.38	2	6.58	4.75	2.75	7.5	4.75	1.25	6	3.85	1.5	5.35										
424	000834	Đặng Lê Anh Khôi	01/09/2009	11A3	5.75	1.75	7.5	7.3	1	5.08	2	8.08	5.50	2.5	8	4.50	0.25	4.75	5.25	1.75	7										
425	000850	Huỳnh Mai Ngọc Thảo	12/11/2009	11A3	3.85	3	6.85	6.8	0.2	4.55	2	6.75	5.50	2.75	8.25	4.50	1.5	6	3.75	2	5.75										
426	000868	Nguyễn Ngọc Nhất Chung	01/07/2009	11A3	3.65	2.25	5.9	5	0	3.50	1.9	5.4	4.50	2.25	6.75	3.50	0	3.5	3.50	0.75	4.25										
427	000874	Nguyễn Phương Hân	28/12/2009	11A3	2.60	2	4.6	7.3	0.2	3.33	2	5.53	5.75	2.75	8.5	4.50	1.25	5.75	3.85	0.75	4.6										
428	000903	Trương Đình Trí	15/08/2009	11A3	4.90	2.75	7.65	5.5	0.2	4.55	2	6.75	4.75	2.5	7.25	3.75	1.25	5	4.25	2.75	7										
429	000921	Võ Minh Khang	26/07/2009	11A3	3.90	2.75	6.65	5.3	0.2	4.55	2	6.75	4.25	2	6.25	3.25															

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Lớp	Toán			Văn	Anh				Sử			Lý			Hoá			Sinh			Địa			KTPL			Ghi chú
					TN	TL	TC		Nghe	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	
455	000642	Nguyễn Xuân Bắc	12/03/2009	11A4	2.25	2.5	4.75	6	0	2.98	2	4.98	2.50	0.5	3	1.25	0	1.25	2.10	0.5	2.6				4.25	0.5	4.75				
456	000653	Vũ Viết Gia Hưng	15/10/2009	11A4	3.95	2.5	6.45	8	0	4.20	2	6.2	6.75	3	9.75	6.00	2.25	8.25	6.25	2.25	8.5				5.50	3	8.5				
457	000687	Nguyễn Thiên Bình	21/10/2009	11A4	5.15	2.75	7.9	5	0.2	4.90	2	7.1	4.50	3	7.5	5.50	2.75	8.25	3.85	1.75	5.6				5.25	2	7.25				
458	000700	Ngô Tấn Lộc	10/07/2009	11A4	3.75	2	5.75	6.3	0	4.55	2	6.55	4.50	2.5	7	4.50	0.5	5	4.25	1.5	5.75				4.00	1.75	5.75				
459	000718	Huỳnh Anh Thư	12/11/2009	11A4	3.65	3	6.65	8	0	4.03	2	6.03	5.50	3	8.5	5.25	2.5	7.75	3.20	1	4.2				5.25	2.25	7.5				
460	000731	Trương Quốc Bình	11/02/2009	11A4	3.95	3	6.95	5.3	0.2	4.55	2	6.75	6.25	2.25	8.5	5.75	3	8.75	4.75	1.25	6				6.25	1.25	7.5				
461	000740	Phạm Nguyễn Thanh Hương	10/08/2009	11A4	3.15	2.75	5.9	6.5	0	4.03	2	6.03	5.75	2.5	8.25	5.00	1.25	6.25	4.00	1.25	5.25				5.10	2.25	7.35				
462	000777	Châu Minh Chí	27/01/2009	11A4	5.15	3	8.15	6.5	0	4.03	2	6.03	4.75	2.75	7.5	4.75	2.5	7.25	2.10	1.5	3.6				5.75	2	7.75				
463	000790	Nguyễn Đặng Quốc Minh	19/01/2009	11A4	4.45	2.25	6.7	6.8	0	4.38	2	6.38	3.75	2.25	6	4.75	1	5.75	3.10	0.5	3.6				5.25	1.5	6.75				
464	000806	Võ Hoàng Thịnh	01/08/2009	11A4	3.30	2.75	6.05	5	0.2	4.20	2	6.4	5.25	0.25	5.5	3.75	1	4.75	4.20	1.75	5.95				4.10	1.5	5.6				
465	000822	Trần Nhật Thụy Du	21/05/2009	11A4	4.45	3	7.45	7.5	0	4.20	2	6.2	4.75	2	6.75	5.00	2.5	7.5	4.10	1.5	5.6				5.25	1	6.25				
466	000832	Lê Nguyễn Kim Khánh	28/06/2009	11A4	3.75	2.25	6	8.3	0	4.03	2	6.03	5.50	2.5	8	4.00	1.5	5.5	4.50	1.25	5.75				6.50	1.5	8				
467	000862	Nguyễn Như Ý	05/12/2009	11A4	3.50	2.5	6	6.8	0	5.08	2	7.08	5.75	1.5	7.25	5.00	2.5	7.5	4.00	0.25	4.25				5.25	2	7.25				
468	000870	Đào Lê Anh Dũng	28/08/2009	11A4	2.80	2.25	5.05	5	0	3.85	2	5.85	2.00	0.25	2.25	3.00	1	4	3.85	1.5	5.35				3.00	1.25	4.25				
469	000882	Hồ Hoài Nam	15/12/2009	11A4	4.85	3	7.85	7.8	0	4.38	2	6.38	6.75	2.5	9.25	6.00	2.75	8.75	6.25	2.25	8.5				4.75	2	6.75				
470	000892	Phạm Vũ Duy Quyền	29/01/2009	11A4	4.15	2.5	6.65	7.8	0	4.55	2	6.55	4.75	2.75	7.5	4.50	2	6.5	4.50	1.25	5.75				5.25	2.25	7.5				
471	000914	Phạm Thị Phương Duy	08/09/2009	11A4	5.10	2.5	7.6	8.5	0	4.73	1.9	6.63	6.25	3	9.25	6.00	2.75	8.75	4.85	1.75	6.6				6.25	2	8.25				
472	000924	Huỳnh Đăng Khôi	27/12/2009	11A4	3.75	3	6.75	7.5	0.2	4.73	1.9	6.83	3.50	2.25	5.75	4.25	1.75	6	6.25	1.25	7.5				4.00	2	6				
473	000953	Phan Thúy Vy	26/07/2009	11A4	3.80	2.5	6.3	7	0.2	4.55	2	6.75	5.25	2.5	7.75	3.75	2.25	6	5.00	1.5	6.5				4.35	1.75	6.1				
474	000959	Phạm Tấn Đạt	28/08/2009	11A4	3.20	2	5.2	5.8	0	4.38	2	6.38	2.25	2.75	5	2.00	0.5	2.5	6.00	2.25	8.25				3.75	1.25	5				
475	000972	Lê Hồ Bảo Ngọc	09/06/2009	11A4	3.75	2.5	6.25	6.3	0.2	3.68	2	5.88	6.00	2.5	8.5	4.00	0.5	4.5	3.85	1.25	5.1				4.25	2	6.25				
476	000979	Võ Lê Bảo Phúc	31/10/2009	11A4	3.60	2.5	6.1	6	0.2	3.33	2	5.53	3.25	1.75	5	3.00	0	3	3.10	0.5	3.6				4.25	0	4.25				
477	001008	Nguyễn Minh Đức	30/06/2009	11A4	4.90	2.75	7.65	5.5	0	4.90	2	6.9	6.25	2.75	9	6.00	2.75	8.75	3.75	1.25	5				5.00	2.75	7.75				
478	001017	Giang Thành Lâm	19/09/2009	11A4	2.80	3	5.8	6.3	0	4.03	2	6.03	6.75	2.5	9.25	5.00	2	7	4.75	0.5	5.25				4.75	2.25	7				
479	001041	Hoàng Hồ Tường Vy	09/12/2009	11A4	4.65	2.75	7.4	6.3	0	4.73	2	6.73	6.75	3	9.75	5.75	2.75	8.5	6.75	2	8.75				5.75	2	7.75				
480	001053	Nguyễn Trần Mỹ Hà	29/07/2009	11A4	3.50	1.75	5.25	6.8	0	4.03	2	6.03	4.25	2.75	7	4.75	2	6.75	2.25	0.75	3				3.75	2	5.75				
481	001067	Nguyễn Trí Nguyên	29/03/2009	11A4	4.45	3	7.45	8	0	4.38	2	6.38	6.50	3	9.5	6.00	2.75	8.75	5.10	1.25	6.35				5.75	2	7.75				
482	001070	Sơn Tấn Phúc	29/05/2009	11A4	4.55	2.25	6.8	7.5	0.2	4.38	2	6.58	5.25	1	6.25	4.00	2.5	6.5	3.75	1.25	5				5.50	2	7.5				
483	001098	NGUYỄN HOÀNG GIA HÂN	18/09/2009	11A4	3.70	2.75	6.45	8.5	0	2.63	2	4.63	4.50	1.5	6	4.75	2.5	7.25	3.25	0.5	3.75				3.00	1.25	4.25				
484	001108	Nguyễn Thụy Trúc Lâm	22/01/2009	11A4	5.85	3	8.85	7.8	0	4.90	2	6.9	6.50	1																	

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Lớp	Toán			Văn	Anh				Sử			Lý			Hoá			Sinh			Địa			KTPL			Ghi chú
					TN	TL	TC		Nghe	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	
512	000765	Cao Anh Tú	04/01/2009	11A5	3.85	2.5	6.35	6.3	0.2	4.55	2	6.75	4.50	2	6.5	5.25	1.75	7	4.00	1.5	5.5				4.75	1	5.75				
513	000781	Võ Thị Phúc Hậu	07/06/2009	11A5	3.70	2.25	5.95	7	0.2	4.20	2	6.4	6.75	2.25	9	3.50	1.5	5	4.75	2.75	7.5				5.75	2	7.75				
514	000795	Đặng Hồng Phương Nhi	02/01/2009	11A5	4.00	2	6	7.3	0.2	4.90	2	7.1	4.50	2.25	6.75	4.25	0.75	5	3.75	2	5.75				4.50	2	6.5				
515	000829	Nguyễn Xuân Gia Huy	18/03/2009	11A5	4.00	2.75	6.75	6.8	0	4.55	2	6.55	5.75	2.25	8	4.00	1.5	5.5	3.35	1.75	5.1				5.25	1.25	6.5				
516	000842	Nguyễn Thị Yến Nhi	13/09/2009	11A5	4.15	3	7.15	6.8	0.2	5.25	2	7.45	6.25	2.25	8.5	5.00	1.25	6.25	5.25	1.75	7				5.75	2	7.75				
517	000856	Trương Ngọc Thanh Tú	25/09/2009	11A5	2.70	1.5	4.2	6.3	0	4.20	2	6.2	5.50	3	8.5	4.50	1.5	6	4.00	1	5				6.25	2.5	8.75				
518	000879	Nguyễn Lê Anh Khôi	15/10/2008	11A5	5.40	2.75	8.15	5.5	0	5.08	2	7.08	6.75	2.75	9.5	5.50	2.75	8.25	3.50	1.75	5.25				4.50	1.5	6				
519	000887	Hồ Thị Hồng Oanh	12/08/2008	11A5	5.55	3	8.55	7.5	0.2	5.43	2	7.63	6.75	2.75	9.5	4.75	2.5	7.25	5.75	2.75	8.5				6.50	2	8.5				
520	000916	Lê Huỳnh Hải Đăng	23/02/2008	11A5	3.75	1.5	5.25	5.5	0	4.03	2	6.03	6.00	2.75	8.75	4.25	0.25	4.5	3.85	1.75	5.6				5.25	1	6.25				
521	000934	Lê Minh Phát	26/07/2009	11A5	5.80	2.5	8.3	6	0.8	5.95	2	8.75	5.75	3	8.75	6.00	2.25	8.25	5.25	2	7.25				5.75	1.75	7.5				
522	000945	Nguyễn Phạm Tuấn	12/03/2009	11A5	V	Vắng	Vắng	Vắng	0	V	Vắng	Vắng	V	Vắng	Vắng	V	Vắng	Vắng	V	Vắng	Vắng				V	Vắng	Vắng				
523	000963	Hoàng Minh Hiếu	29/10/2009	11A5	5.80	3	8.8	5.8	0	4.38	2	6.38	6.00	2.5	8.5	5.75	2.25	8	4.10	2.25	6.35				5.75	1.25	7				
524	000977	Nguyễn Đình Phúc	02/06/2009	11A5	6.25	3	9.25	6.5	0	4.55	2	6.55	6.75	3	9.75	6.75	3	9.75	5.25	2.5	7.75				6.25	1.5	7.75				
525	001011	Huỳnh Phúc Hưng	02/03/2009	11A5	3.80	2.5	6.3	6.5	0.2	4.03	2	6.23	6.00	2.25	8.25	4.75	2.25	7	4.50	1.75	6.25				5.25	2.25	7.5				
526	001027	Trần Mai Quang	24/08/2009	11A5	4.85	2.25	7.1	5.8	0.2	4.55	2	6.75	6.75	3	9.75	5.25	2.75	8	4.10	2.5	6.6				5.50	2	7.5				
527	001038	Nguyễn Tường	03/06/2009	11A5	V	Vắng	Vắng	Vắng	0	V	Vắng	Vắng	V	Vắng	Vắng	V	Vắng	Vắng	V	Vắng	Vắng				V	Vắng	Vắng				
528	001060	Hoàng Ngọc Xuân Mai	20/03/2009	11A5	5.15	3	8.15	7.8	0.4	4.73	2	7.13	6.75	2.75	9.5	5.25	2.25	7.5	6.00	2.75	8.75				6.00	2.25	8.25				
529	001074	Nguyễn Thái Sơn	05/12/2009	11A5	3.15	3	6.15	5.5	0.4	4.38	2	6.78	5.25	2.5	7.75	4.25	1.5	5.75	1.85	1.25	3.1				3.75	1	4.75				
530	001097	Trịnh Châu Đoàn	25/08/2009	11A5	3.05	1.75	4.8	7.5	0	4.55	2	6.55	6.25	2.75	9	3.50	1.25	4.75	3.35	1.25	4.6				5.00	2.25	7.25				
531	001119	Nguyễn Duy Tâm	30/04/2009	11A5	3.30	2.25	5.55	6.5	0.4	4.73	2	7.13	6.25	2.5	8.75	5.75	1.5	7.25	5.35	1.75	7.1				6.25	1.25	7.5				
532	001128	Trần Thị Thu Uyên	18/03/2009	11A5	6.40	3	9.4	7.3	0.2	4.20	2	6.4	6.75	2.5	9.25	6.00	3	9	5.25	2.75	8				4.75	2	6.75				
533	001146	Lê Bá Nhật Huy	21/12/2009	11A5	4.45	3	7.45	6	0	4.73	2	6.73	6.00	2.5	8.5	5.25	1.5	6.75	4.10	1.75	5.85				4.50	0.75	5.25				
534	001167	Nguyễn Hoàng Thanh Thảo	23/02/2009	11A5	4.65	2.75	7.4	8.3	0.4	4.55	2	6.95	4.75	2.75	7.5	4.00	1.75	5.75	2.25	1.25	3.5				6.00	0.75	6.75				
535	001194	Lâm Bảo Khang	03/01/2009	11A5	3.00	2.5	5.5	6.5	0	4.38	2	6.38	6.50	2.25	8.75	3.75	1.5	5.25	3.35	1.5	4.85				4.25	1.25	5.5				
536	001210	Nguyễn Ngọc Thi	11/07/2009	11A5	4.00	2.5	6.5	6.5	0	4.38	2	6.38	6.25	2	8.25	4.00	2	6	4.00	2	6				3.50	2.25	5.75				
537	001221	Hoàng Thị Kiều Vy	03/10/2009	11A5	3.75	2.75	6.5	6.8	0.2	4.38	2	6.58	6.50	2.75	9.25	3.50	1.5	5	3.60	2	5.6				5.50	2.5	8				
538	001241	Phùng Duy Mạnh	22/09/2009	11A5	3.90	3	6.9	7	0	4.03	2	6.03	6.75	2.75	9.5	5.75	2.5	8.25	4.50	2	6.5				5.50	2	7.5				
539	001258	Nguyễn Thị Xuân Thi	25/04/2009	11A5	6.05	3	9.05	8.3	0	5.25	2	7.25	6.25	2.5	8.75	6.25	2.75	9	6.00	2.75	8.75				7.00	2.25	9.25				
540	000573	Lê Thị Bảo Ngọc	10/12/2009	11A6	4.55	2.75	7.3	7.8	0.0	4.55	2	6.55	6.75	2.5	9.25	6.25	2.25	8.5	4.10	1	5.1							6.50	2	8.5	
541	000574	Nguyễn Phạm Bảo Ngọc	22/03/2009	11A6	3.70	2.75	6.45	7.5	0.0	4.38	2	6.38	6.00	2.5	8.5	5.00	0.5	5.5	4.25	0.25	4.5		</								

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Lớp	Toán			Văn	Anh				Sử			Lý			Hoá			Sinh			Địa			KTPL			Ghi chú
					TN	TL	TC		Nghe	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	
569	000955	Nguyễn Hoàng Gia Bảo	05/07/2009	11A6	4.30	2.75	7.05	7	0.2	4.20	2	6.4	6.25	2.75	9	6.50	2.75	9.25	4.75	1.25	6							6.00	2.6	8.6	
570	000965	Diệp Minh Huy	03/09/2009	11A6	5.40	3	8.4	7.3	0.4	5.08	2	7.48	6.75	2.75	9.5	6.75	2	8.75	5.25	2.5	7.75							7.00	3	10	
571	000978	Nguyễn Gia Phúc	23/08/2009	11A6	5.05	2.5	7.55	3.5	0.0	4.03	2	6.03	4.50	2.5	7	4.00	2	6	4.00	1.25	5.25							5.00	1.3	6.3	
572	000994	Đỗ Vũ Hà Vy	19/03/2009	11A6	4.45	2.75	7.2	6.3	0.2	3.85	2	6.05	6.75	2.5	9.25	6.00	2.25	8.25	5.25	0.5	5.75							6.50	3	9.5	
573	001015	Nguyễn Phan Trúc Lam	10/11/2009	11A6	3.15	2.5	5.65	5.8	0.2	4.73	2	6.93	6.00	2.75	8.75	6.25	2.5	8.75	3.60	0.25	3.85							5.75	3	8.75	
574	001030	Lê Huyền Thanh	05/08/2009	11A6	3.00	2.75	5.75	5	0.2	3.85	2	6.05	5.50	2.5	8	6.50	2.5	9	4.25	0.75	5							5.50	2.8	8.3	
575	001049	Phạm Bảo Ngọc Diệp	01/12/2009	11A6	3.50	3	6.5	6	0.2	5.25	2	7.45	6.75	2.25	9	6.25	2.75	9	5.75	1.5	7.25							7.00	3	10	
576	001056	Trần Kim Hiền	01/09/2009	11A6	1.90	1.25	3.15	5.3	0.4	4.55	2	6.95	3.75	1.5	5.25	3.25	0.75	4	3.00	1	4							5.25	2.6	7.85	
577	001083	Lê Hải Triều	08/06/2009	11A6	V	Vắng	Vắng	Vắng	0	V	Vắng	Vắng	V	Vắng	Vắng	V	Vắng	Vắng	v	Vắng	Vắng							V	Vắng	Vắng	
578	001106	Trần Ngọc Nhã Kỳ	06/02/2009	11A6	4.65	3	7.65	7.3	0.2	4.73	2	6.93	6.75	2.75	9.5	6.25	3	9.25	4.20	1.25	5.45							6.10	3	9.1	
579	001113	Nguyễn Thy Nguyễn	09/10/2009	11A6	3.90	2.25	6.15	6.8	0.0	4.20	2	6.2	6.50	1.5	8	4.75	1	5.75	2.70	0.75	3.45							6.25	3	9.25	
580	001138	Nguyễn Ngọc Linh Đan	15/11/2009	11A6	5.35	3	8.35	6.5	0.2	4.73	2	6.93	6.75	2.5	9.25	6.25	3	9.25	4.60	2.75	7.35							7.00	3	10	
581	001142	Bùi Quốc Hào	22/12/2009	11A6	4.00	2.25	6.25	6	0.0	3.85	2	5.85	5.25	2.25	7.5	5.50	2.25	7.75	4.35	1.25	5.6							5.00	2.4	7.4	
582	001163	Nguyễn Như Quỳnh	28/07/2009	11A6	6.00	3	9	6.3	0.0	4.38	2	6.38	4.50	2	6.5	4.75	2	6.75	3.50	2.5	6							5.25	3	8.25	
583	001196	Nguyễn Hoàng Tuấn Kiệt	22/10/2009	11A6	4.55	3	7.55	6.5	0.0	4.38	2	6.38	6.75	2.5	9.25	6.00	2.5	8.5	4.75	2	6.75							7.00	3	10	
584	001215	Nguyễn Khoa Bảo Tịnh	27/12/2009	11A6	4.40	3	7.4	7.5	0.2	4.73	2	6.93	6.75	2.5	9.25	6.25	3	9.25	4.60	1	5.6							6.50	3	9.5	
585	001229	Đinh Thành Đạt	08/01/2009	11A6	4.55	2.75	7.3	5.3	0.2	5.08	2	7.28	6.75	2.25	9	6.25	2.5	8.75	3.10	1.5	4.6							6.25	2.5	8.75	
586	001233	Nguyễn Khánh Đăng	06/12/2009	11A6	4.45	3	7.45	5	0.0	4.73	2	6.73	6.75	2.25	9	5.75	2	7.75	4.00	1.75	5.75							6.50	2.4	8.9	
587	001264	Nguyễn Thị Yến Trinh	30/03/2009	11A6	6.00	2.75	8.75	7.3	0.4	5.25	2	7.65	6.25	2	8.25	6.75	2.5	9.25	4.50	1.75	6.25							6.50	3	9.5	
588	000557	Phạm Thị Hồng Hoa	28/02/2009	11A7	5.15	2.5	7.65	5	0.2	4.38	2	6.58	6.50	2.25	8.75				4.35	1.25	5.6	6.10	3	9.1				6.00	3	9	
589	000583	Nguyễn Thị Phương Trinh	01/12/2009	11A7	4.45	2.75	7.2	4.5	0.4	5.25	2	7.65	6.75	2.5	9.25				4.00	0	4	5.75	3	8.75				7.00	3	10	
590	000589	Võ Thanh Tùng	28/12/2009	11A7	3.15	2.25	5.4	5.5	0.0	4.73	2	6.73	6.50	2.5	9				4.25	1	5.25	6.00	3	9				6.00	2.6	8.6	
591	000609	Trịnh Khang Lâm	20/06/2009	11A7	3.65	2.5	6.15	5	0.0	4.20	2	6.2	5.75	0.75	6.5				2.00	0.75	2.75	5.35	2	7.35				6.10	1	7.1	
592	000624	Võ Nguyễn Vy Thảo	14/07/2009	11A7	3.10	2.5	5.6	5	0.0	4.20	2	6.2	3.75	2.25	6				2.35	0.5	2.85	5.00	3	8				5.00	2.8	7.8	
593	000633	Lã Nguyễn Khánh Vy	29/12/2009	11A7	4.25	2.5	6.75	6.5	0.2	4.73	2	6.93	6.75	2.75	9.5				3.75	1	4.75	5.85	3	8.85				6.75	3	9.75	
594	000649	Bùi Trinh Quốc Huy	07/11/2009	11A7	3.25	1.75	5	5	0.0	5.08	2	7.08	4.75	1	5.75				2.85	0.25	3.1	6.50	1.5	8				6.25	2	8.25	
595	000675	Nguyễn Toàn Minh Trí	22/05/2009	11A7	2.20	1.75	3.95	5.8	0.0	4.20	2	6.2	5.75	1.75	7.5				2.10	0	2.1	4.45	2	6.45				5.25	1.4	6.65	
596	000699	Trương Ngọc Khánh Linh	16/09/2009	11A7	6.05	2.75	8.8	6.8	0.0	4.55	2	6.55	6.75	2.25	9				4.50	0.5	5	5.60	3	8.6				6.25	2.8	9.05	
597	000714	Trần Thị Diệu Thảo	08/09/2009	11A7	4.10	2.75	6.85	7.3	0.4	4.55	2	6.95	5.25	2.25	7.5				3.60	1	4.6	5.75	3	8.75				6.50	2.9	9.4	
598	000739	Trần Ngọc Huyền	04/06/2009	11A7	4.85	3	7.85	7.3	0.0	5.08	2	7.08	6.75	2.5	9.25				5.75	2.25	8	6.2									

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Lớp	Toán			Văn	Anh				Sử			Lý			Hoá			Sinh			Địa			KTPL			Ghi chú
					TN	TL	TC		Nghe	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	
626	001156	Phạm Hoàng Đăng Nguyên	15/10/2009	11A7	3.30	2.5	5.8	6	0.0	4.73	2	6.73	6.50	3	9.5				3.35	0.5	3.85	6.10	2	8.1				6.00	2	8	
627	001178	Trần Thị Thanh Vy	12/04/2008	11A7	5.00	3	8	5	0.2	4.20	2	6.4	5.50	2.25	7.75				2.95	1	3.95	5.25	2.25	7.5				5.75	2.4	8.15	
628	001186	Nguyễn Lâm Phương Doanh	09/02/2009	11A7	3.75	2.5	6.25	6.5	0.0	5.08	1.9	6.98	6.25	2.5	8.75				4.60	0.75	5.35	5.35	3	8.35				6.75	2.8	9.55	
629	001197	Trương Thị Ngọc Lan	14/08/2009	11A7	3.35	3	6.35	7.5	0.2	4.38	2	6.58	6.75	2.5	9.25				4.50	1	5.5	6.00	3	9				7.00	3	10	
630	001214	Nguyễn Anh Thư	30/11/2009	11A7	4.50	3	7.5	6.3	0.2	4.03	2	6.23	4.00	2.5	6.5				4.10	0.5	4.6	5.50	2.5	8				5.10	2.8	7.9	
631	001232	Trần Thành Đạt	03/01/2009	11A7	5.80	3	8.8	6.5	0.0	4.38	2	6.38	6.75	2.5	9.25				5.75	2.25	8	6.50	3	9.5				7.00	3	10	
632	001244	Trần Bảo Ngọc	26/08/2009	11A7	3.95	3	6.95	6.8	0.2	5.60	2	7.8	6.75	2.5	9.25				4.70	1.5	6.2	6.10	2.5	8.6				6.75	2.4	9.15	
633	001245	Đào Vũ Khôi Nguyên	12/11/2009	11A7	2.70	1.5	4.2	5	0.2	4.03	2	6.23	3.25	1.75	5				4.25	0.25	4.5	4.10	2	6.1				5.35	0.4	5.75	
634	000552	Phan Nguyễn Duy	09/11/2009	11A8	5.35	2.75	8.1	6.5	0.2	4.55	2	6.75	6.00	2.75	8.75				4.85	2	6.85	5.35	3	8.35	6.25	2.5	8.75				
635	000572	Nguyễn Huệ Tuyết Ngân	07/02/2009	11A8	4.45	3	7.45	8.3	0.2	5.25	2	7.45	6.00	2.5	8.5				5.50	2.25	7.75	5.75	3	8.75	4.35	2.25	6.6				
636	000601	Nguyễn Minh Đạt	24/06/2009	11A8	3.55	3	6.55	3	0.2	3.85	2	6.05	5.75	1.75	7.5				3.75	1.75	5.5	6.50	0	6.5	5.75	0.5	6.25				
637	000626	Ngô Xuân Thiện	19/08/2009	11A8	5.75	3	8.75	9	0.6	4.55	2	7.15	6.75	3	9.75				6.00	2.75	8.75	6.10	3	9.1	5.50	3	8.5				
638	000637	Đỗ Triều An	20/05/2009	11A8	4.60	3	7.6	7.5	0.4	5.25	2	7.65	6.50	3	9.5				6.10	1.5	7.6	5.75	2.75	8.5	6.00	2.75	8.75				
639	000644	Nguyễn Ngọc Hương Giang	16/10/2009	11A8	4.35	2.75	7.1	7	0.2	4.55	2	6.75	6.75	2.5	9.25				5.25	1.25	6.5	6.10	2	8.1	5.75	2	7.75				
640	000665	Nguyễn Phước Thảo Nhi	07/10/2009	11A8	3.50	1.75	5.25	4.5	0	4.20	1.6	5.8	4.75	2	6.75				5.25	1	6.25	4.50	1.25	5.75	4.50	1	5.5				
641	000684	Từ Kỳ Anh	18/08/2009	11A8	3.10	3	6.1	5.8	0	4.03	2	6.03	6.25	2.75	9				4.75	2	6.75	5.75	2.5	8.25	4.25	2.25	6.5				
642	000692	Lâm Thị Thu Hiền	13/09/2009	11A8	3.65	3	6.65	7	0.2	4.38	2	6.58	6.50	2.5	9				4.50	2	6.5	6.10	3	9.1	5.50	2.25	7.75				
643	000698	Nguyễn Trung Kiên	15/06/2009	11A8	1.40	0	1.4	0.8	0.2	4.55	1.5	6.25	5.00	0.25	5.25				3.50	0	3.5	5.60	0	5.6	5.25	2	7.25				
644	000716	Huỳnh Dương Hưng Thịnh	14/09/2009	11A8	3.25	2.5	5.75	5.8	0.6	4.03	2	6.63	5.50	1.25	6.75				3.35	1.5	4.85	6.10	1.5	7.6	5.50	2	7.5				
645	000738	Nguyễn Huy Hoàng	24/02/2008	11A8	2.55	1.25	3.8	2.5	0.6	6.48	2	9.08	4.75	1.25	6				4.85	1	5.85	5.25	1.75	7	3.75	1.75	5.5				
646	000755	Ngô Thị Thanh Như	10/04/2009	11A8	4.40	3	7.4	7.3	0.2	4.55	2	6.75	6.75	3	9.75				5.25	1.25	6.5	6.50	3	9.5	6.50	2.25	8.75				
647	000783	Mai Việt Hùng	22/11/2009	11A8	2.85	1.5	4.35	6.3	0.2	4.38	2	6.58	5.25	2.25	7.5				4.00	1	5	6.00	2.75	8.75	4.75	1.5	6.25				
648	000809	Nguyễn Ngọc Bảo Thy	22/05/2009	11A8	5.05	3	8.05	8	0.2	5.25	2	7.45	6.50	3	9.5				5.50	2.75	8.25	6.00	3	9	5.00	2	7				
649	000817	Nguyễn Bảo Yến	04/12/2009	11A8	4.00	3	7	7	0.2	4.03	2	6.23	6.75	2.75	9.5				5.50	1.25	6.75	5.50	2	7.5	4.50	2	6.5				
650	000818	Châu Nguyễn Phương Anh	10/11/2009	11A8	4.85	2	6.85	5.8	0.4	4.73	2	7.13	5.25	2.25	7.5				4.25	0.75	5	6.25	2	8.25	4.50	0.75	5.25				
651	000828	Nguyễn Bảo Huy	16/09/2009	11A8	4.90	3	7.9	6	0.2	4.55	2	6.75	6.75	2.5	9.25				4.75	1.5	6.25	5.75	2.75	8.5	4.50	2	6.5				
652	000844	Nguyễn Đào Kim Phúc	22/09/2009	11A8	5.20	2.75	7.95	6.3	0.4	4.20	1.2	5.8	6.75	1.75	8.5				4.00	1	5	6.25	1.5	7.75	6.25	0.75	7				
653	000867	Trần Thị Ngọc Ánh	14/04/2009	11A8	2.95	2.75	5.7	7	0.2	4.73	2	6.93	6.50	2.75	9.25				4.75	0.75	5.5	6.25	2	8.25	5.75	0.75	6.5				
654	000877	Nguyễn Minh Khải	19/05/2009	11A8	4.15	3	7.15	8.3	0.2	4.55	2	6.75	5.25	2.75	8				4.00	1.75	5.75	6.10	3	9.1	5.50	2.25	7.75				
655	000900	Châu Thị Mỹ Tiên	31/10/2009	11A8	3.25	2.75	6	6.5	0.2	4.73	2	6.93	5.25	2.25																	

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Lớp	Toán			Văn	Anh				Sử			Lý			Hoá			Sinh			Địa			KTPL			Ghi chú
					TN	TL	TC		Nghe	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	
683	000577	Mai Hoàng Phúc	12/08/2009	11A9	3.65	2.5	6.15	6.5	0	4.38	2	6.38	6.50	2.5	9				5.75	1.75	7.5	6.10	2.5	8.6	6.00	3	9				
684	000590	Bùi Đức Việt	10/11/2009	11A9	3.25	3	6.25	5.8	0.2	4.20	2	6.4	4.00	2.25	6.25				1.85	0.5	2.35	3.25	1.5	4.75	3.10	0.75	3.85				
685	000592	Lê Hoàng Lan Anh	25/10/2009	11A9	2.70	3	5.7	7	0.4	4.90	2	7.3	6.75	2.75	9.5				5.50	2	7.5	5.85	3	8.85	5.25	2	7.25				
686	000612	Phan Chí Luân	06/10/2009	11A9	3.20	3	6.2	5.3	0	4.03	2	6.03	6.25	1.5	7.75				2.00	0.5	2.5	5.00	0.75	5.75	2.50	0	2.5				
687	000622	Nguyễn Phúc Mai Phương	05/04/2008	11A9	3.50	2.5	6	5.8	0.2	4.90	1.9	7	5.75	2.75	8.5				3.10	0.75	3.85	5.35	3	8.35	3.75	0.5	4.25				
688	000647	Hoàng Minh Hiếu	21/11/2009	11A9	4.90	3	7.9	6.8	0	4.20	2	6.2	6.25	1.75	8				3.85	1.25	5.1	5.50	1	6.5	5.25	0.25	5.5				
689	000661	Mai Hoàng Nam	22/04/2009	11A9	4.20	3	7.2	6.8	0.2	4.90	2	7.1	6.50	2.25	8.75				5.50	1.75	7.25	6.50	2.5	9	5.75	2.25	8				
690	000668	Bùi Nguyễn Việt Quốc	11/08/2009	11A9	V	Vắng	Vắng	5	0.2	4.73	2	6.93	4.00	2.5	6.5				2.45	1.25	3.7	6.00	1.5	7.5	5.50	0	5.5				
691	000681	Nguyễn Kiều Vy	18/08/2009	11A9	3.25	2.25	5.5	6.5	0	4.90	2	6.9	6.75	2.5	9.25				5.75	1	6.75	5.60	3	8.6	4.75	2.25	7				
692	000705	Kiều Nguyễn Thanh Nhân	25/05/2009	11A9	2.15	1.25	3.4	5.5	0.6	4.90	1.5	7	4.75	2.75	7.5				4.25	1	5.25	5.50	1.25	6.75	3.75	1.25	5				
693	000713	Trần Ngọc Quốc	08/01/2009	11A9	3.35	2.5	5.85	5.3	0	4.38	1.9	6.28	6.75	2.5	9.25				4.00	1	5	7.00	1.5	8.5	3.00	0	3				
694	000735	Nguyễn Sơn Hải	06/12/2009	11A9	3.55	2.75	6.3	5.8	0.2	4.38	2	6.58	5.00	2	7				3.60	1	4.6	5.85	2.75	8.6	4.75	2	6.75				
695	000741	Trần Thị Quỳnh Hương	03/09/2009	11A9	2.85	1.75	4.6	4.8	0	4.03	2	6.03	5.00	2.25	7.25				4.50	0.75	5.25	4.50	1.25	5.75	3.25	1	4.25				
696	000758	Chu Nguyễn Như Quỳnh	27/04/2009	11A9	3.15	1.75	4.9	7	0	4.90	2	6.9	6.50	2.25	8.75				5.25	1	6.25	6.10	1.75	7.85	5.00	0.75	5.75				
697	000772	Nguyễn Ngọc Tường Vy	21/09/2009	11A9	4.30	3	7.3	5.8	0	4.73	2	6.73	6.75	2.5	9.25				4.75	0.25	5	5.35	2.5	7.85	5.25	1	6.25				
698	000789	Nguyễn Minh Mẫn	27/08/2009	11A9	3.10	2.5	5.6	8	0	4.55	2	6.55	6.75	1.75	8.5				5.35	1.25	6.6	4.75	2.5	7.25	4.25	1.25	5.5				
699	000803	Trần Ngọc Mỹ Quỳnh	16/01/2009	11A9	5.55	3	8.55	8	0.2	4.55	2	6.75	6.75	3	9.75				6.00	2	8	5.75	3	8.75	6.00	2	8				
700	000825	Nguyễn Hà Trang Đài	29/09/2009	11A9	2.80	2.75	5.55	7	0	4.38	2	6.38	6.50	3	9.5				3.35	0.5	3.85	5.10	2	7.1	4.35	2	6.35				
701	000841	Phan Thị Thanh Ngân	08/06/2009	11A9	5.15	2.5	7.65	7	0.4	4.20	2	6.6	6.75	2.25	9				4.60	1.75	6.35	6.50	3	9.5	5.25	2	7.25				
702	000848	Trương Tấn Tài	15/08/2009	11A9	3.80	3	6.8	5.5	0	4.73	2	6.73	6.50	3	9.5				5.10	1.75	6.85	5.75	2	7.75	5.50	0.5	6				
703	000852	Phạm Thanh Thảo	01/06/2009	11A9	4.70	3	7.7	7.5	0.2	4.55	2	6.75	6.75	3	9.75				5.60	1.75	7.35	5.60	3	8.6	5.50	2.25	7.75				
704	000885	Ngô Lưu Tuyết Nhi	20/03/2009	11A9	4.55	2.5	7.05	7.3	0	5.08	2	7.08	6.25	2.75	9				6.50	2	8.5	6.25	3	9.25	5.75	2.5	8.25				
705	000897	Nguyễn Võ Hoàng Thiên	15/10/2009	11A9	5.30	3	8.3	6.8	0.2	4.55	2	6.75	5.50	1.75	7.25				5.75	2.25	8	5.50	3	8.5	5.00	0.5	5.5				
706	000912	Nguyễn Bình	21/05/2008	11A9	3.05	3	6.05	5	0	4.03	2	6.03	6.50	0.5	7				3.85	0.75	4.6	5.75	1.75	7.5	4.75	0.25	5				
707	000922	Bùi Ngọc Đăng Khôi	10/05/2009	11A9	3.80	2.5	6.3	5.3	0	4.20	2	6.2	5.75	2.75	8.5				4.75	0.75	5.5	5.25	1	6.25	4.25	0	4.25				
708	000940	Trần Vũ Minh Thư	15/09/2009	11A9	4.55	3	7.55	8	0.2	4.20	2	6.4	6.50	3	9.5				4.20	1.75	5.95	6.25	2.5	8.75	5.25	1.25	6.5				
709	000970	Đỗ Nhật Minh	26/11/2009	11A9	3.25	0.75	4	6	0	4.38	1.2	5.58	6.75	2.75	9.5				4.00	1	5	6.00	2	8	4.50	1.5	6				
710	000988	Võ Anh Thư	01/03/2009	11A9	3.80	2.75	6.55	6.3	0	4.03	1.9	5.93	6.75	2.5	9.25				4.00	1.25	5.25	6.50	3	9.5	5.75	1	6.75				
711	001004	Giang Gia Bảo	17/02/2009	11A9	4.65	2.5	7.15	6	0	4.38	2	6.38	5.50	2.75	8.25				5.25	1.5	6.75	4.75	2	6.75	4.25	2	6.25				
712	001022	Phạm Đông Nghi	10/07/2009	11A9	3.10	2.5	5.6	5.3	0.4	4.03	2	6.43	6.00	2.5	8.5				4.00	0.25	4.25	6.00	2.75	8.75	5.25	2.25	7.5				
713	001036	Võ Thị Thùy Trang	06/10/2009	11A9	3.30	1.75	5.05	6.5	0	4.73	2	6.73	5.75	2.5	8.25				4.10	1.75	5.85	5.00	2.75	7.75	4.75	2.5	7.25				
714	001069	Nguyễn Yến Nhi	19/08/2009	11A9	3.10	1.5	4.6	6.3	0.4	4.73	2	7.13	6.00	2.5	8.5				3.10	1	4.1	5.75	3	8.75	4.75	0.75	5.5				
715	001082	Phạm Bích Trâm	16/12/2009	11A9	4.75	3	7.75	6.3	0.3	4.20	2	6.5	6.25	2.75	9				3.50	1.25	4.75	3.75	1.25	5	5.25	1	6.25				
716	001092	Trương Nguyễn Hà Anh	05/09/2009	11A9	4.20	2.75	6.95	7.5	0.4	4.38	2	6.78	6.75	2	8.75				5.75	1.5	7.25	5.85	3	8.85	6.00	2.25	8.25				
717	001105	Nguyễn Trần Thiên Kim	29/05/2009	11A9	2.55	2	4.55	5.3	0.2	5.08	2	7.28	6.00	1.25	7.25				2.85	1.75	4.6	4.10	1.5	5.6	5.00	1	6				
718	001125	Hoàng Thanh Trúc	21/04/2009	11A9	4.65	3	7.65	7.8	0	4.73	2	6.73	5.50	2.75	8.25				5.50	1.5	7	6.00	3	9	4.75	1.5	6.25				
719	001151	Dương Hà My	09/07/2009	11A9	4.25	3	7.25	6.5	0	5.43	2	7.43	6.50	2.5	9				4.00	1.25	5.25	6.10	2	8.1	5.25	2	7.25				
720	001173	Phạm Thị Ngọc Trúc	12/12/2009	11A9	5.35	1.75	7.1	6.3	0.2	4.90	2	7.1	6.50	2.75	9.25				5.50	2	7.5	6.25	2.25	8.5	6.00	1	7				
721	001181	Lê Nguyễn Hoàng Anh	17/01/2009	11A9	3.70	2.75	6.45	6.8	0.2	5.25	2	7.45	6.00	2.75	8.75				4.60	1	5.6	6.25	2.5	8.75	5.00	2.25	7.25				
722	001202	Tướng Huỳnh Như Ngọc	17/04/2009	11A9	3.70	2.75	6.45	8.8	0.4	5.08	2	7.48	6.50	2.5	9				4.85	1.25	6.1	6.25	3	9.25	5.75	2.75	8.5				
723	001220	Phan Thị Thanh Tú	12/08/2008	11A9	3.45	1.5	4.95	5.5	0.2	4.55	2	6.75	6.50	2	8.5				4.35	0.5	4.85	6.50	1	7.5	4.75	0.25	5				
724	001249	Đinh Văn Phát	10/04/2009	11A9	2.95	2.75	5.7	5.8	0.2	4.20	2	6.4	6.25	2.5	8.75				3.95	1.25	5.2	6.10	2	8.1	4.75	2	6.75				
725	001267	Phạm Minh Tuấn	29/10/2009	11A9	3.50	2.75	6.25	5.8	0	4.73	2	6.73	6.75	2.25	9				4.75	1	5.75	6.00	2.75	8.75	5.00	1.75	6.75				